

SÁNG TẠO

BIÊN KHẢO :

THỬ ĐỊNH NGHĨA VĂN HÓA

LÊ VĂN SIÊU

GIÁO DỤC : GIAI PHÓNG HAY ÁP BỨC ?

HOÀNG THÁI LINH

DÂN TỘC TÍNH TRONG CỔ TÍCH VIỆT NAM

DOÃN QUỐC SỸ

SÁNG TÁC :

BA NGƯỜI BẠN

VŨ KHẮC KHOAN

SỰ TÂM THƯỜNG CẦN THIẾT NGÀY

THANH TÂM TUYỀN

KHAI TRƯỜNG

MÙA XUÂN NHỚ NGƯỜI

TÔ KIỀU NGÂN

THƠ TỰ DO :

TRẦN THANH HIỆP — NGUYỄN SA — QUÁCH THOẠI

PHÊ BÌNH VĂN NGHỆ :

KINH NGH

INGWAY của NGUYỄN SA

ĐỌC LA CHUTE CỦA CAMUS của MẶC ĐỖ

TRƯỜNG HỢP PICASSO của DUY THANH

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP :

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KÝ CON — SAIGON

THÁNG 11 - 1956

SỐ 2

GIÁ 6\$00

NỘI DUNG SỐ NÀY :

BIÊN KHẢO :

THỬ ĐỊNH NGHĨA VĂN HÓA

LÊ VĂN SIÊU

GIÁO DỤC : GIẢI PHÓNG HAY ÁP BỨC ? HOÀNG THÁI LINH

DÂN TỘC TÍNH TRONG CỜ TÍCH VIỆT NAM ĐOÀN QUỐC SỸ



SÁNG TÁC :

BA NGƯỜI BẠN

VŨ KHẮC KHOAN

SỰ TÀM THƯƠNG CẦN THIẾT NGÀY

THANH TÂM TUYỀN

KHAI TRƯỞNG

MÙA XUÂN NHỚ NGƯỜI

TÓ KIỀU NGÂN



THƠ TỰ DO :

TRẦN THANH HIỆP — NGUYỄN SA — QUÁCH THOẠI



PHÊ BÌNH VĂN NGHỆ :

KINH NGHIỆM HEMINGWAY của NGUYỄN SA

ĐỌC LA CHUTE CỦA CAMUS của MẶC ĐỒ

TRƯỜNG HỢP PICASSO của DUY THANH

SÁNG TẠO

Tạp chí Văn nghệ xuất bản hàng tháng

THỬ ĐỊNH - NGHĨA VĂN - HÓA

LÊ VĂN SIÊU

Văn-hóa tự nó, nó không hề có nói nó nghĩa là gì hết. Người ta đã ý-niệm ra nó và bắt nó phải chịu cái nghĩa này hay nghĩa khác, tùy theo cứu-cánh mà người ta muốn đạt tới trong cuộc đời.

Quả đáng như một anh thầy phù-thủy ngồi ký-khâu đẽo một khúc gỗ thành pho tượng, đặt lên bàn thờ, rồi si-sop lễ trước cho những kẻ để tin đến lễ sau để phẩm mình được hưởng oản chuối. Pho tượng ấy đã làm khổ anh thầy phù-thủy phải suýt-xoa tổ vớ tôn-kính sợ-sệt nó. Nhưng không phải là anh thầy phù-thủy đã không làm khổ pho tượng khi anh bắt nó phải ngồi nghiêm-chỉnh theo chiều này hay chiều khác mà nhận oản chuối, rồi để cho anh ăn.

Bởi vậy, đối với những định-nghĩa của văn-hóa cho đến ngày hôm nay, ta nên tiên-khởi đặt mỗi nghi-ngờ cũng như ta hãy nghi-ngờ bất đầu từ ta trước.

Mỗi người chúng ta là cái gì đây để cứ léo-nheo với nhau mãi về vấn-đề tiêu-chuẩn là: chủ-quan hay khách-quan trong sự nhận-thức? Mỗi người chúng ta có còn chứa anh thầy phù-thủy kia trong bụng nữa chăng để lo định-nghĩa văn-hóa mà kiếm oản chuối cho mình hay cho phe đảng mình?

Nếu còn anh thầy phù-thủy ấy trong bụng, nghĩa là còn một tinh-thần tư-ký, thì nói rằng khách hay chủ-quan, duy-tâm, hay vật, hay thức, hay thần-gi, cũng đều không thể tới được chân-tượng của văn-hóa.

Chúng ta hãy nhớ rằng anh thầy phù-thủy này đã biến-hiện khôn lường ngay trong tư-duy của người ta. Chính anh nói mà người ta tưởng người ta đã nói. Chính anh nhìn mà người ta tưởng cái thực-tại khách-quan đã vào mắt người ta như thế. Chính anh lý-luận theo sự nhận-xét của anh mà người ta vẫn cứ tưởng người ta đã lý-luận bằng-cứ vào thực-tại khách-quan đã nhận-xét được.

Anh tỉnh hay anh mê thì người ta cũng theo anh để tỉnh hay là mê. Chưa bao giờ người ta thực là người-ta, đứng trền một mình trước những vấn-đề tư-tưởng. Nghĩa là chưa bao giờ người ta trở về với bản-ngã thực của người ta.

Khi thi là những nghiệp-chương, kết-quả của bao nhiêu những sai-lầm của từ bao nhiêu đời kiếp trước hay của bao nhiêu đon người cùng sống một thời với mình. Khi thi là những bóng-dáng hạnh-phúc của thế-giới hiện-tượng nó như những ma-troi dụ người ta đuổi theo để không bao giờ bắt được cả. Khi thi lại là những tác-vi của những con dạ-tràng se cát, để người ta nghĩ rằng có sống vì có hoạt-động và có làm ra được một cái gì...

Tất cả hiện-tượng của cuộc thế hiện-tại diễn ra trong tri-tưởng của người ta đều là những hình-thái biến-hóa của anh thầy-phù-thủy kia để khiến người ta sinh vọng-tâm, vọng-tưởng, vọng-hành và người ta làm đủ các tội-lỗi với nhau mà vẫn rất là thành-thực.

Ta có thể lấy một đám mây bay trên trời ra làm thí-dụ. Mây tự nó không nói nó là gì hết. Người ta đã cho nó một cái tên và ở mỗi xứ nó đã được mang một cái tên khác. Bây giờ nó bay ở trên trời. Kẻ đương mê gái đẹp thì nhìn thấy trong nó ẩn-hiện làn tóc mây bay theo chiều gió. Kẻ đương mộng tranh Bá đồ Vương thì nhìn thấy nó là cái tán hay là con rồng, con phượng. Kẻ đương lo hạn-hán thì nhìn thấy nó là mấy phân nước dưới ruộng, kẻ đương mê thi-cử thì nhìn thấy nó là con chó đá vẫy đuôi... Cả ngàn kẻ vọng-tâm, lại thấy ở nó ra, cả ngàn hình-thái khác nhau, trái ngược hẳn nhau. Mà riêng nó, thì nó có nói gì đâu! có nói gì đâu! Chỉ loài người đã nói với nhau, mà nói bằng cái vọng-tâm của mỗi người, nghĩa là bằng cái miệng của anh phù-thủy nằm trong tư-duy của mỗi người.

Đứng trước vấn-đề định-nghĩa văn-hóa, cũng thế.

Người này thì chủ trương :

« Đứng về phương-diện tĩnh mà xét thì văn-hóa là ý-thức-hệ của một trạng-thái xã-hội nhất-định. Theo phương-diện động của nó thì văn-hóa là ý-thức-hệ của quá-trình tranh-đấu giai-cấp trong một xã-hội nhất định. »

Người khác lại chủ-trương :

« Văn-hóa là những giá-trị biểu-hiện cuộc sinh-hoạt mạnh mẽ của loài người, trong cả các phương-diện vật-chất tinh-thần, xã-hội... Văn hóa chỉ chung tất cả những giá-trị do tinh-thần sáng-tạo ra. Song có những giá-trị người ta tạo ra là nhằm vào một cái mục-dịch vật-chất, ví như các thứ kỹ-thuật, các phương-thức hoạt-động kinh-tế là cốt để thỏa-mãn những nhu-yếu vật-chất trước đã, dầu có khi nó có thể thỏa-mãn những nhu-yếu tinh-thần nhưng đó chỉ là kết-quả gián-tiếp hoặc hậu-thiên. Những giá-trị ấy, chúng ta gọi chung nó là giá-trị vật-chất gồm thành phần văn-hóa vật-chất. Trái lại, những giá-trị như nghệ-thuật văn-chương, tôn-giáo, triết-học, khoa-học, tục-lễ, pháp-luật, chế-

độ v. v . . . là những cái người ta tạo ra cốt để thoả-mãn những nhu-yếu tình-cảm, tri-thức hoặc xã-hội, dầu cũng có khi nó có thể thoả-mãn được những nhu-cầu vật-chất nhưng đó cũng chỉ là kết-quả gián-tiếp hoặc hậu-thiên. Những giá-trị ấy chúng ta gọi chung nó là giá-trị tinh-thần, thành văn-hóa tinh-thần.»

Người khác nữa lại chủ-trương :

« Văn-hóa phải làm cho người càng cao-quý đẹp-đẽ hơn, phải làm cho người trở nên Người. Tính-cách văn-hóa là một tính-cách nhân-bản, lấy người, lấy loài người làm cội gốc. Văn-hóa sẽ không phải là văn-hóa, nếu nó không phụng-sự loài người và đi phụng-sự cái gì khác. Văn-hóa sẽ không phải là văn-hóa nữa, nếu nó không làm cho người ngày càng cao quý tốt-đẹp hơn và đi đóng một vai trò gì khác. Bạn hãy nhớ. Ngày nào cái mà người ta gọi là văn-hóa lại đem dùng vào mục-dịch khác, cũng như Napoléon đem « tự-do, bình-đẳng, bác-ái » làm khí-giới chính-phục thì cái đó hết còn là văn-hóa nữa. Tính-cách văn-hóa phải là tính-cách nhân-bản, xin nhắc lại cho bạn. Và khéo thay kẻ nào đã biết chọn chữ Văn (tốt đẹp) chữ Hóa (biến cải) để trở cái mà phương Tây chỉ tìm đến chữ culture (trồng-trọt) để gọi lên ».

Người khác nữa lại muốn căn-cứ vào nội-dung những định-nghĩa từ trước, rồi tập-trung cả lại, tìm một định-nghĩa tổng-quát, gọi là phương-pháp « quy-nạp định-nghĩa » để có một định-nghĩa « khách-quan » :

« Một xã-hội có văn-hóa là khi nào nó đã ra ngoài cái tình-trạng sinh-hoạt thiên-nhiên của thú-vật. Ra ngoài bằng cách thích-ứng với hoàn-cảnh và thay-đổi hoàn-cảnh để nó thích-ứng với mình mà thoả-mãn những nhu-cầu của mình. Ra ngoài bằng hoạt-động lao-tác.

« Cái gì có tính-chất văn-hóa đều có những đặc-tính tinh-thần, xã-hội và có những công-dụng tinh-thần, xã-hội cũng có biểu-hiện ra trong xã-hội sinh-hoạt.

Sinh-hoạt văn-hóa xã-hội là quá-trình tiến-triển sinh-hoạt tinh-thần của con người sống trong xã-hội ấy hay là phần biểu-hiện tinh-thần của xã-hội sinh-hoạt ấy ».

Tất cả mọi người nói đều có vẻ có lý cả. Nhưng cuối cùng thì quả thực, ta vẫn chưa rõ « con voi » văn-hóa này hình-thù ra sao.

Xét giá-trị nội-tại ở việc tìm-tòi về văn-hóa, ta không nỡ so-sánh chủ-trương này hay chủ-trương nọ với cái chồi, cái quạt, hay cái cột. Nhưng ta phải nói thẳng ngay rằng đó là những hóa-thân của anh thầy phù-thủy đã nói.

Hóa-thân thứ nhất nhìn nhận mâu-thuẫn của cuộc sống xã hội là có.

song để giải-quyết thì đã muốn đẩy loài người vào vòng tranh đấu để kẻ này bị tiêu-diệt thì còn lại một mình kẻ kia thôi là hết mâu-thuân.

Hóa-thân thứ hai cũng không nói cái gì khác ngoài ý ấy, thêm một dụng-ý để cho con người thêm tin-tưởng vào sự đầy mạnh cái đà tranh-đấu kia.

Hóa-thân thứ ba chưa phủ-nhận nổi những chủ-trương trên, mới chỉ tỏa một làn khói mờ mờ về nhân-bản trên cái thực-trạng tranh đấu đầy thú-tính của loài người.

Hóa-thân thứ tư kiêu-ngạo hơn, còn muốn cho con người có dư sức để thay luôn được cả ông Tạo-hóa, bất hoàn-cảnh phải phục-tòng dưới mệnh-lệnh của mình bằng hoạt-động lao-tác.

Than ôi ! Cái điều gọi rằng «cộng-nghiệp» của xã-hội Việt-Nam chúng ta trong giai-đoạn lịch-sử vừa qua là cái sự nảy sinh ra những việc nhập-cảng tinh-thần duy-lý và tư-tưởng tranh-đấu ấy. Đó là những thứ tư-tưởng nhìn-nhận cho khoa-học của con người là vạn-năng, nhìn-nhận cho tài tổ-chức lao-tác của con người là đem được loài người đến chí-thiện.

Rồi từ sự «tri» đến sự «hành», kết-cục là đã có một triệu quần-chúng nhân-dân, không thở được không-khí ấy, phải bỏ chạy rồi, còn bao nhiêu triệu khác đương ngỡ-ngác không rõ phù-thủy sẽ còn dẫn mình đi tới đâu !

Bây giờ bình-lâm mà nghĩ lại, trong cuộc trao-đổi quốc-tế về văn-hóa hiện-thời, cái lỗi chính đã không phải ở sự nhập-cảng ấy, mà đã là ở chỗ người ta đánh mất chân-ngã của người ta, khiến anh thầy phù-thủy Tư-kỹ mới chui lọt được vào tư-dạy để dẫn người ta đi sai đường lạc lối.

Nếu chân-ngã hoàn-toàn thức-tỉnh, không có thái-độ hãnh-tiến của một loài người mới vừa rời khỏi cái nôi, không có những ảo-vọng danh-lợi của cuộc thế vô-thường, không bị huyền-hoặc bởi những hiện-tượng, thì thế-tất người ta sẽ thông-suốt được tất cả, kể cả vấn-đề định-nghĩa văn-hóa.

Bởi người ta đã như những kẻ si, ngồi vào chiếu bạc và cay ăn cay gỡ, người ta đã toàn tính sai đề đặt sai hết mọi vấn-đề, rồi lôi kéo nhau đi lạc từ bước này đến bước khác.

Trước hết, văn-hóa chỉ là một ý-niệm trừu-tượng mà mỗi giai-đoạn lịch-sử người ta tùy trình-độ tiến-hóa mà hiểu và đẩy vào cho nó một nội-dung.

Đang lẽ sang đến giai-đoạn lịch-sử mới này, ta không cần phải nhìn trở lại những nội-dung của giai-đoạn trước. Nhưng hiềm vì trận lụt có đem màu-mỡ tới mà cũng có đem luôn cả rơm-rác tới, nên ta phải bảo nhau lượm lấy mà vất đi.

Điều mà trong giai-đoạn lịch-sử trước, người ta vô-tình hay cố-ý mà quên là : những ý-tưởng là những lực rõ ràng. Nó bàng bạc vẫn có ở không-gian để tìm trụ kết-tinh vào đầu óc này hay đầu óc khác. Và nó cứ tồn-tại qua thời-gian để có khi kết-tinh ngay, có khi năm ba năm sau, hay năm bảy chục, năm bảy trăm năm sau mới kết-tinh. Và khi kết-tinh, không cứ phải có biểu-hiện ra sinh-hoạt xã-hội (về vật-chất hay về tinh-thần) thì nó mới được nhận là có.

Không phải chỉ lao-tác, chỉ làm ra đồ-vật hàng-hóa mới là hữu-vị, mới giúp đắc-lực vào sự tiến-hóa của xã-hội loài người. Ánh-sáng mặt trời không ai hề thấy nó làm việc khi nào hết mà cây cỏ và cả loài người thì đã sống nhờ nó. Một nhà tu ngồi tọa cái huệ-tâm của mình ra thì hàng vạn con người thở hít không-khí trong-lành ấy, như những giọt nước cành dương tưới tắt bớt những lửa lòng hừng-hực cháy vì tham-mé má thù-oán lẫn nhau, người ta cũng không hề thấy nhà tu ấy làm việc lao-tác gì ở đâu hết mà xã-hội thì đã trở nên tốt-đẹp hơn. Một nhà đạo-đức chỉ ngồi không thôi mà thiên-hạ trị, cũng không cần lao-tác gì hết mà đã phong-đăng hòa-cốc, và dân-chúng đã an-cư lạc-nghiệp.

Gia-dĩ, điều nữa mà người ta cũng vô-tình hay cố-ý quên ở giai-đoạn lịch-sử cũ là ảnh-hưởng của tinh-tú và địa-cát đến cả phần vật-chất lẫn tinh-thần cuộc sống của con người, khiến người ấy sẵn cùng không một cơ-cấu để tiếp-nhận những ý-tưởng bàng-bạc ở không-gian và nối-tiếp qua thời-gian.

Người ta đã nhắm mắt lại như con đà-diều gục đầu xuống cát ở sa-mạc để cho sư-tử khỏi trông thấy mình.

Và người ta cũng nhắm mắt luôn không nhìn vào giòng dài lịch-sử để thấy những tác-động của tiềm-thức dân-tộc và thấy luật-tắc đổi thay của những vận-hội xuống lên trong một nước. Vì cũng như đứa trẻ mới chập-chững biết đi đã kiêu-hãnh không muốn ai cầm tay giắt mình đi cả.

Cái kiêu-hãnh ấy của người làm văn-hóa ở nước ta hồi trước, nực cười thay, lại chỉ là cái kiêu-hãnh vay mượn của người Âu-Mỹ, như kẻ không tiền đã đi vay nợ lãi về để mà khoe của vậy.

Thực, thì về khoa-học mình đã có gì đâu mà cũng vỗ ngực cho con người chế-ngự được cả thiên-nhiên. Lúc sống thì từ đầu đến chân mình còn phải nhờ người mới có đủ thứ để chưng-bánh. Mà lúc chết thì cái

đến đóng hòm áo quan mình cũng chưa làm ra được. Ấy thế mà võ ngực khoe chế ngự thiên nhiên thì có phải là võ ngực dùm thiên hạ không ?

Khi người ta lớn-khôn hơn, tự-nhiên người ta không còn những thái - độ đại-dột ấy.

Chúng ta nghĩ nên quan-niệm cuộc tiến-hóa vật-chất và tinh-thần của xã-hội loài người như cuộc tiến-hóa của một con người từ tuổi này sang tuổi khác vậy.

Khi còn nhỏ, đứa trẻ có tiền của không biết tiêu, có quần-áo không biết mặc, có giấy bút không biết viết. Đối với những thứ ấy nó đã có một ý - niệm khác với khi trưởng-thành biết cách tiêu tiền và biết đồng tiền là quý, biết mặc quần-áo là để che thân và giữ lễ với mọi người, biết viết ra mực đen giấy trắng khi thấy rõ cái trách-nhiệm « làm văn-hóa mà làm thì giết muôn đời ».

Cuộc sống của đứa trẻ đã tiến từ bản-năng sang ý-thức. Cuộc sống của xã-hội loài người cũng không ngoài đoạn đường ấy. Và cái ý-niệm văn-hóa ở giai-đoạn cũ đã khác xa với ý-niệm ở giai-đoạn mới này.

Nó không còn bị hạn-chế ở lao-tác, ở hữu-vi, không còn bị bó-buộc phải có xã-hội-tính, tinh-thần-tính, không còn bị phải có công-dụng tinh-thần, xã-hội mà cũng không cứ phải có biểu-hiện ra sinh-hoạt xã-hội nữa.

Nó chỉ đòi hỏi một điều-kiện tiên-khởi để tiến tới thôi, là đuổi bỏ anh thầy phù-thủy trong lòng mình, đuổi hết những tư-kỷ, hết những tà-tâm, tà-kiến như người lau-chùi tấm kính của lòng mình cho sạch, trước khi nhìn thì mới nhìn ra được chân-tướng của sự-vật, của cuộc sống, cũng như của văn-hóa.

Phải đã có trở về cuộc sống nội-tâm, tìm thấy chân-ngã của mình, thì khi nhìn sự-vật, nhìn cuộc sống, người ta mới chắc-chắn được rằng đó là đúng con mắt nhìn của người ta, con mắt của một người không mù-tối.

Còn chưa được cái hân-hạnh trở về « linh-dài » (1) ấy, để đắm hồn mình vào cuộc sống tâm-linh, thì bao nhiêu những lý-luận gọi là khách-quan, gọi là quý-quái gì nữa, cũng chỉ là những lý-luận của anh thầy phù-thủy tư-kỷ đã nói trên.

(1) Tiếng của Trang-tử : bất khả nội ư linh-dài, linh-dài giả hữu tri. (không thể vào trong linh-dài được, linh-dài đã được giữ vững). Ý nói lòng ta đã sẵn những ý đẹp mà những điều bày-bạ không lọt vào được.

Khi còn tư-kỷ, còn tư-tâm, còn tà-kiến, còn vọng-tưởng, còn vọng-hành... mà người ta vẫn cứ còn muốn nhắc vào tai ta những là khách-quan, là tri-hành hợp-nhất v. v. . . thì thật là người ta đã làm trò khôi hài mà không biết.

Những trò khôi-hài cỡ ấy chỉ có thể diễn ra được trên sân-khấu cũ trong giai-đoạn cũ là giai-đoạn người ta còn bị chóa mắt bởi những tinh-thần duy-lý và những phương-pháp suy-lý hình-thức của Tây-phương. Tiến sang giai-đoạn mới này, là giai-đoạn loài người lớn khôn hơn, người ta không còn bị lừa bởi ảo-ảnh, không còn say bởi dục-vọng dề-hèn, người ta đã đến trình-độ nhận và hiểu được những gì thực là thực-tại.

Bởi vậy mà điều-kiện tiên-khởi thứ hai để có thể hiểu và nói chuyện được « văn-hóa là gì » lại là điều-kiện trưởng - thành về phương-diện tư-tưởng.

Trưởng-thành đây không có nghĩa là vơ-vét thực nhiều những mớ tri-thức tạp-nham và mâu-thuẫn để khoe mẽ trong cỏi tục và để càng làm dày thêm cái vỏ tư-kỷ của anh thầy phù-thủy. Trưởng-thành đây có nghĩa là vong-kỷ để hòa hồn mình vào với cái Đại-hồn của Xã-hội, của Vũ-trụ.

Khi đã có những điều-kiện tiên - khởi ấy rồi, ví như người đi xa đã sâu-sửa đủ hành-lý, bấy giờ chúng ta mới quay lại để nhìn xem văn-hóa có nghĩa là gì.

LÊ VĂN SIÊU

BA NGƯỜI BẠN

VŨ KHẮC KHOAN

Gửi Tín

10 giờ đêm 13-11

Sáng hôm nay bắt đầu tiêm P.A.S. Nghĩ lại mà thấy ái ngại cho ông bác-sĩ. Ông ta hí hửng như chính ông ta được tiêm cái thuốc quý đó. Nhớ lại cả câu chuyện. Gọi là câu chuyện, nhưng thật ra, chỉ một mình ông nói:

— Thuốc này quý lắm. Tiêm vài chục ống, bệnh sẽ chuyển ngay. Nhất định. Tôi phải nói mãi đấy. Mà cũng tùy người mới được tiêm đấy.

Mình hiểu chữ tùy người theo cái nghĩa thông dụng trong bệnh viện. Nhưng, không còn thấy cái đau sót của những buổi đầu tiên khám bệnh nữa. Ông bác sĩ chắc cũng biết lẽ lẽ. Giọng ông khách-quan hơn:

— Đêm qua ông ngủ được chứ?

Mình gật đầu. Ông bác sĩ quay vội sang giường bên cạnh.

Không ngủ được, không hiểu có phải vì lọ thuốc quý báu của ông bác sĩ? Nghĩ lại lúc tiêm mà rùng mình. Rùng mình họ cho cả cái mạch máu xanh xanh nơi khoeo tay. Nửa lít thuốc, trong ba tiếng đồng hồ, dần dần chảy vào mạch máu. Nằm yên trong 3 tiếng đồng hồ. Đột nhiên trở thành một thứ gì được cả buồng chú ý. Nhớ lại cái vẻ thèm thuồng trong cặp mắt ông ký giả ở đầu buồng và một thoáng ghen ghen của anh lao-công nằm giường bên cạnh. Chắc trong óc anh, đang thành hình cụ thể cả một «hệ-thống tư-tưởng đấu-tranh giai-cấp», rất sống. Nhưng lại thấy mắt anh dịu lại, không biết có phải vì anh đã hiểu. Ở đây—một bệnh viện công—sự phân chia giai cấp (!) đâu có dựa lên trên những quyền lợi kinh tế? Tiêu chuẩn chính là cái đường lên xuống của một nét bút chì ngoằn-ngoẻo theo sát triển bệnh thăng giảm. Trên một tờ giấy trắng. Móc ngay vào đầu giường. Đã vậy thì có là đại mới đấu tranh để cướp địa vị của một bệnh-nhân được ưu-đãi chỉ vì căn bệnh đã tới độ

SANG TẠO

... Không viết thêm được. Vì mệt. Mệt đến bất thành linh. Như những cơn mưa miền Nam. Không biết có phải là vì nửa lít P.A.S. ? Không ngủ được. Thêm một hơi thuốc lá. Có cảm tưởng một hơi thuốc lá hít đầy phổi sẽ giải-quyết dứt-khoát được một cái gì. Phổi sẽ tan ra hay sẽ sạch cả vi trùng. Đột nhiên, có cảm-lương như bị lừa... Và “vi-trùng” chỉ là một danh-từ ngoáo-ộp, nhất là B.K. ...

Trang chắc sáng ở ngoài vườn.

2 giờ trưa 14-11

Lọ P.A.S. thứ hai. Không có gì xảy ra cả. Mà tại sao lại có thể xảy ra một cái gì ? Biết thế, nhưng đến khi kim tiêm nhói vào mạch máu, mắt nhìn chăm chăm vào nửa lít P.A.S. treo trên đầu giường thì hình như lẽ mình vẫn mang một tâm-trạng chờ đợi.... Vụt một cái, bệnh bay đi mất ? Trở thành một người thường ? Nghĩa là một người vô bệnh ? Mình có ngáy thोर gì mà tin như vậy. Vả lại đạt tới cái tình trạng mà mình đang sống (!), đã phải qua quá nhiều giai đoạn. Quay lại bất thành linh có lẽ cũng không kham nổi.

Giai đoạn I : cho rằng mình không có bệnh.

Giai đoạn II : biết rằng mình có bệnh.

Giai đoạn III : chữa bệnh.

Giai đoạn IV : làm quen với bệnh.

Giai đoạn V : chung sống hoà bình (!) với bệnh cho tới khi cả bệnh lẫn mình đều quay ra chết...

Luân quần rồi.

3 giờ sáng

Chợt tỉnh giấc. Trăng sáng ngợp một góc phòng. Mọi khi cứ ngỡ vẫn đông. Đêm nay chắc anh gác lại quên. Thiên hạ ngủ yên cả, người nằm ngay đờ dưới làn chăn trắng loát. Có cảm tưởng rờn rợn là thiên hạ đã chết dưới ánh trăng. Có cảm tưởng quái-dẫn như nửa đêm tỉnh giấc trên một chiếc lau biên ngợp trăng, rồi chợt thấy mình vẫn sống có đờn giữa một đám thủy thủ đã chết từ lúc trăng lên.

Muốn ghi một điều này, nhưng không hiểu sao lại ngáp ngừng.

3 giờ 15

Thiếp đi một lát. Tưởng như thiếp đi rất lâu. Rất lâu.

Trăng đã úa vàng. Ở xa vắng lại có tiếng còi báo động của đoàn xe cứu hỏa. Tiếng còi rền rĩ to dần lên. Nhưng lên vào vẫn rõ rệt từng tiếng ho khan của ông ký già. Chợt cười trong bụng vì nghĩ đến tiếng hát nửa đêm của một kỹ-nữ ngân lên giữa hai nhịp phách. Qua làn mưa của xênh và phách, hình dáng của lời ca vẫn thẳng nét, không mờ. Xênh, phách là tấm sơn mài của Nguyễn-gia-Trí. Lời ca là nét họa của Mafisse.

Chợt bật tiếng cười căm. Vì thấy tiếng ho lẻ của ông ký già có giá trị ngang một tâm-sự riêng-tây lạc-loài trong cái đau chung của thời-đại, ở đây, tạm tượng-trưng bằng một tiếng còi báo động kéo dài. Trong một cơn hỏa hoạn, có người linh cứu hỏa nào lại lăm cầm hi sinh tính mạng để chạy một con búp bê? Nhưng thật ra cái đau của một đứa trẻ mất búp bê rất nhiều khi lại ghê gớm hơn tất cả cái đau chung đúc của thiên hạ . . .

. . . Lan man mãi. Tại sao cứ trốn tránh mãi, mà không dám nói thẳng ra . . .

Thiên ơi . . .

•••

Thiên đặt quyền vở nát nhàu xuống mặt bàn. Thiên mới chỉ dám có những cảm-giác. Chàng chưa muốn có những cảm-tưởng. Chàng châm một điếu thuốc lá. Hơi đầu tiên rít thấu phổi.

— Hút giả thù cho thẳng Phan !

Chàng biết là rồi ra sẽ phải có một thái độ. Tê liệt trước cuộc đời. Hay uất, hay vùng lên. Hay lại là chỉ có viết. Nhưng giờ đây — giữa một trưa trang nắng miền Nam — Chàng mới chỉ biết có cảm lặng để mặc cho cảm-giác vờn quanh những giây thần kinh đang căng thẳng trong chàng.

Thiên ơi!

Tiếng gọi từ trong một thư « thu phần » vắng lên. Tiếng kêu thất thanh của một con người vừa chợt hiểu :

Thảo nào khi mới chôn rau . . .

Chàng cảm thấy Phan sắp sửa nói tới một điều gì quan trọng. Nếu không, Phan viết làm gì? Có bao giờ Phan viết đâu, cái con người chỉ muốn suy tư... Thiên ném mạnh điếu thuốc qua cửa sổ. Nắng miền Nam át cả ánh lửa của điếu

thuốc cháy dở. Hình ảnh đó gọi đến cuộc đời của Phan. Nếu mà đêm có xuống ! Nhưng lửa của đời Phan đã lờ hơn một lần đêm xuống, để rồi mờ dần trong cái chói lòa xốn-xang của cả một thời đại rục rịch đổi thay. Kém cả một ánh lửa chài ven một bờ sông tối sẫm, lửa quay lại âm ỷ thiếu dần điều thuốc cháy dở. Phan cũng tàn dần trong một góc phòng bệnh viện.



Đêm 17-11

Nghỉ hai hôm, không ghi một điều gì. Streptomisine Rimifon, P. A. S. Không ăn được vì ngại nhai, ngại nuốt. Xuất ngày nằm dài. Ông bác-sĩ có vẻ không bằng lòng. Ông ta nói :

— Thuốc men là một việc. Bệnh nhân phải giúp thầy thuốc. Bệnh nhân phải muốn sống trước đã.

Hình như con mắt của mình nhìn ông ta có gì là lạ, ông ta quay vội đi.

Thiên ơi !

Mình đề hai hôm đọc lại những gì mình ghi để xét lại một lần cuối cùng, trước khi nói rõ cái điều mình muốn nói, xét lại xem có đúng không.

Hôm 13-11, mình ghi : nghĩ lại mà thấy ái ngại cho ông bác-sĩ. Cùng ngày hôm đó, mình lại ghi. Nhưng không còn thấy cái đau sót của những buổi đầu tiên khám bệnh nữa.

Tại sao vậy ? Mình nghĩ rồi. Mình nghĩ ra rồi. Thế ra đã mạnh nha từ lâu, ngấm ngấm, âm ỷ đã từ lâu. Và đến khi — giữa trưa hôm 15-11 — Hà vào thì... mới rõ rệt thành hình.

Hà đứng lại ở giữa khung cửa mở rộng ra vườn bệnh-viện. Ánh nắng hắt đằng sau, thân hình Hà tròn trặn, mẫn mà. Mình giờ tay vẫy. Hà trông thấy và đi thẳng đến đầu giường mình. Thế rồi mình giật mình. Mình không thấy gì cả. Không thấy gì cả. Không một thoáng rung động. Không nhói nơi ngực. Không ghen nơi cổ. Mình ngấm Hà như ngấm một pho tượng. Một pho tượng đẹp, không hơn, không kém. Một thứ Vénus thành Milo. Ở Hà, mình cảm thấy thiếu hẳn một cái gì !

Không hiểu Hà đã nói những gì. Mình yên lặng với những điều vừa khám phá. Rồi chợt mình nghe thấy tiếng Hà — trời ! cái giọng của Hà trước kia sao mà ấm !

— Anh... làm sao thế? Sao anh không nói lên! Mặt anh gầy, trông sợ lên được.

Rồi như muốn nói đùa:

— Trông mặt anh như cái mặt nạ!

Thế rồi Hà cũng lặng yên. Mình nghĩ đến một cái mặt nạ. Một nắm thạch cao nhầy nhựa đắp lên một thứ mặt danh-nhân đã chết.

Thế ra, ở mình cũng đã thiếu một cái gì, chính Hà đã nhận ra thế. Thế rồi mình hiểu. Một cái gì đã thiếu ở cả hai bên. Một cái gì đã biến mất, trước kia nó giàng buộc cả hai bên. Mình cố gắng cưỡng lại cái đà suy luận, cố nhớ lại những kỷ-niệm giữa Hà và mình. Vô ích. Mình đã khác Hà. Và Hà cũng đã khác mình. Hai bờ một con sông. Hai đầu một chiếc cầu vừa gục. Hai thế giới. Hai thế giới. Trời ơi! Hai thế giới. Thế ra mình...

Hình như Hà nói gì thì phải. Hình như Hà nói rất to. Hà đứng dậy. Hà đẹp quá. Áo Hà màu khói hương. Thân hình mơn mớn. Mình thu tàn-lực thử lại một lần cuối cùng. Tưởng tượng có một vòng tay đàn ông ôm chặt lấy thân hình mơn mớn đó, có một đôi môi đàn ông rit chặt lấy đôi môi mòng mọng đó, có một... Không thấy gì cả. Không! Không một rung động. Không thấy nhói nơi ngực. Không thấy nghẹn ngào. Không thấy chua xót nơi lòng. Hà ra khỏi phòng và đi nhanh vào ánh sáng của cuộc sống. Mình lùi dần, mờ dần, tàn dần...

Thiên ơi, mình ghi vội những dòng này và gọi tên cậu nhiều lần. Trong ba đứa chúng mình biết nhau từ thuở đi học, có cậu là hay bắn khoăn, có cậu là hay quay về nội tại con người. Thăng Quang chắc còn đang bận tâm về chính trị. Tôi không muốn gặp các cậu trong những lúc này. Tôi muốn sống (!) một mình. Tôi vào đây, không bảo cho ai biết cả. Cậu sẽ đọc những dòng này và nếu Thăng Quang nó muốn, thì đưa cho nó xem. Cũng không sao. Mình cũng chỉ còn có Thiên và Quang.

... Bắt đầu từ nay, mình nhận một sự thực, mình nhận CHẾT. Không đau xót, tiếc thương.

Đau xót, tiếc thương là những tình cảm thuộc cõi sống. Cõi chết có lẽ sẽ có những tình cảm đặc-biệt của cõi chết. Mình sẽ biết. May ra cũng còn đủ một chút thời gian để kịp ghi lại. Có cảm tưởng rõ rệt là đối với mình thời gian cũng đã ngừng lại. Bắt đầu từ nay, mình sẽ không đề ngày tháng nữa. Ngày và

tháng là của thế-giới tương-quan, cái thế-giới của những ma-chiết hàng ngày, cái thế-giới của những triền-phược, lờm-ngờm rất nhiều vì trùng Kock. Cái thế giới đó, đối với mình, đã cùng với Hà, mờ dần vào một khoảng xanh lơ hư ảo. Có lẽ thiên hạ nhìn trời xanh thế nào thì mình nhìn cái thế giới của thiên hạ cũng như thế chăng? Tất cả, kể cả thiên hạ, đã thối hiện hữu. Còn lại là một cảm giác mệnh mang như có một cái gì là lạ, sức tích, vuông vắn, lảng lảng. Có cảm tưởng là cái gì đó cho đến nay vẫn không xuy xuyển. Nó không sợ vi trùng, bất chấp cả nơi bệnh viện và mọi thứ đồng hồ.

Còn nhớ có một lần, Thiên và mình đã có dịp linh-cảm thấy nó. Thiên gọi nó là cái phần nội tại của con người. Nhưng nó có thật hay không? nó là gì? Và sau khi con người đã chết thì nó sẽ đi đâu?



Cái dịp đó, Thiên vẫn còn nhớ, đã xảy ra tại Quảng-Yên, một tỉnh nhỏ nằm sát biên-giới Trung-Hoa, phía Đông Bắc, Bắc-Việt, một trong những ổ quốc-gia cuối cùng, vào đầu năm 1946, khi mà Việt Cộng nắm giữ gần trọn chính quyền tại Trung và Bắc Việt. Thiên, Quang và Phan tuy không có chân trong một đảng-phái nào, nhưng cũng như những người tri-thức chống Cộng tự-trọng, đã có mặt tại đó. Vốn là những sinh-viên cùng một lứa tuổi 25, 26, học cùng một lớp, lại thêm định đồng chí, ba người không rời nhau một bước. Trong những giờ nghỉ, trong những buổi học tập, ngay trong cả những phiên gác đêm.

Một đêm vào độ cuối xuân — tình hình đã khá bi quan, Việt Cộng sau khi ký-kết với Pháp, bắt đầu tấn công những địa-phương có quân quốc-gia nắm giữ — phải phiên gác của Quang, hai người kia cũng rủ nhau cùng thức với Quang. Lúc bấy giờ, tiết trời tuy sắp bước vào hè nhưng vẫn còn rét lạnh. Sương xuống đục mờ cả một bầu trời không trăng mà vắng cả sao. Một vài ánh lửa le-lói dằng xa. Có tiếng chim ăn đêm kêu vắng trên không và tiếng chèo của một chiếc đò vội vã sang ngang. Đè nặng lên trên tất cả, thỉnh thoảng là một vài tiếng súng lẻ. Phan lên tiếng:

— Tôi muốn hỏi các cậu một điều này. Có bao giờ các cậu băn-khoan về những vấn-đề siêu hình như sống và chết không?

Thiên biết Nam đã có lần bỏ học đi suốt vùng Yên-Tử để

tìm thấy hồi đạo. Thiên thấy cần phải suy-nghĩ trước khi trả lời. Nhưng Quang nóng nảy đáp liền :

— Đối với tôi thì sống với chết không phải là những vấn đề siêu hình. Sống chỉ có nghĩa là sống cho ra sống và chết...

— Có nghĩa là chết cho ra chết.

Phan cắt ngang lời của Quang và đợi một tiếng cười. Nhưng không có ai cười cả, kể cả chàng. Phan nói tiếp :

— Đó chỉ là một thái-độ, một thái độ rất hợp lý, nhất là trong lúc này. Nhưng có một thái độ cũng chưa đủ.

Thiên chậm rãi châm một điếu thuốc, ánh riềm loé sáng trong đêm khuya rồi tắt ngấm. Thiên rằng :

— Tôi thì tôi hiểu cái thắc mắc của cậu. Đã có một độ, tôi nghĩ như thế này : Mỗi người sinh ra đời là mặc-nhiên đã nhận làm một cái gì. Cái nghĩa của sự sống là như vậy. Và làm xong, mới được chết.

— Vậy chết là một lạc-thú !

— Chính vậy, cho nên ông Trời — hãy tạm gọi là ông Trời — mới làm đủ trò để con người phải sợ cái chết. Nếu không, đời sẽ vơi hẳn người. Nhân loại đua nhau tự tử. Và công việc sẽ vì thế mà dở-dang...

— Công việc gì ?

— Công việc gì thì ai mà biết được ? Vì người chỉ là người. Mỗi người làm một việc, hoàn thành, trong ba vạn sáu nghìn ngày, một bộ phận li-ti của một cái máy khổng-lồ. Còn tác-dụng của cái máy đó thì họa có Trời mới biết !

Cả ba chợt lắng tai nghe. Trong cái xào-xạc của gió lùa vào lá, tiếng súng nổ nghe gần gần. Mặt trận chuyển dần về phía tỉnh lý. Vòng vây của địch thắt chặt thêm một nút. Thiên nói tiếp :

— Hiện giờ quan niệm của tôi đã thay đổi. Sống chỉ có nghĩa là gom-góp, dành-dựm ít nhiều kỷ-niệm. Và đến khi chết thì chỉ cái phần vật-chất là chết, còn linh-hồn, một dùm nguyên-tử đặc biệt mà chưa ai phân tích nổi được chất và lượng, linh-hồn có thể tồn tại. Thôi bị trọng-lực của vật-chất lôi kéo, linh-hồn sẽ nhẹ nhàng bay vút lên không, mỗi lúc một nhanh, thoát khỏi cái vòng không khí và đến lúc bấy giờ mới bắt đầu một cuộc độc-hành mãi mãi trong không-gian vô-tận.

Giọng Thiên đều đều như giọng tụng kinh. Quang không

hiếu là Thiên nói đùa hay nói thật. Phan bắt giác ngẩng đầu nhìn lên trời. Vài ba ngôi sao vội vàng hiện ra sau những khoảng sương mỏng rồi lại vội vàng tắt ngấm... Cô đơn thay là những ngôi sao ! Thiên lại nói tiếp :

— Trong cuộc độc-hành đó, hành lý vĩnh viễn sẽ là những kỷ-niệm của một cuộc đời đã sống. Những hân hoan, thương tiếc, lỡ dở, hối hận, xót đau, sẽ luẩn quẩn đời đời với một khối linh-hồn bất-diệt.

Quang thốt lên :

— Cừ độc-hành mãi à ? Không gặp một ai cả hay sao ?

— Cũng có thể gặp. Nhưng có gặp nhau thì cũng chỉ là một sự ngẫu nhiên ghè gớm. Gặp nhau trong một sát-na đề vừa kịp biết và cũng đề vừa kịp xa nhau.

Những mẩu chuyện tương-tự thường vẫn xen vào câu chuyện giữa ba người vốn đang ở cái tuổi say mê Tuyệt Đối. Nhưng lần này, có lẽ vì cả ba người đều mang nặng tâm trạng của những chiến-sĩ phù suy, gia dĩ khung cảnh lại có gió trong cây, có sóng vỗ bờ, có sao mờ trong đêm khuya, có tiếng súng nổ mỗi lúc một mau, mỗi lúc một gần, cho nên những lời của Thiên nghe như có ma lực của một lời tiên-tri. Quang muốn phá tan cái không khí u-uất đó. Chàng lên tiếng vồn-vồn :

— Tiếng súng gần quá nhỉ !

Phan cũng đồng ý nói Quang :

— Lúc tối, có một tiểu-đội qua sông. Hay lại chạm súng ?

Nói dễ mà nói, vì chính Phan đang bận tâm rất nhiều về Thiên. Tuy thân với nhau đã từ lâu, mà thực ra Phan biết rất ít về Thiên. Gia dĩ Thiên lại ít hay tâm sự — lần này, không hiểu sao Thiên lại nói nhiều — tuy thường nhật chàng hay tránh vấn đề những khi trò chuyện. Những lúc đó, trái hẳn lại với Quang vốn có linh hiếu thắng. Thiên chỉ mỉm cười, và bởi nụ cười của Thiên có duyên nên cả Phan lẫn Quang đều quên ngay vấn đề đang thảo-luận đề cùng cười xòa với nhau. Nhưng Phan biết rằng Thiên hay thắc mắc và viết cũng khá nhiều. Có lần cả Quang lẫn Phan nhất định đòi Thiên đọc cho nghe « một chút gì », Thiên từ tốn nhưng quyết liệt :

— Chưa được. Lúc nào xong đã...

Lúc nào xong? Vẫn biết không một nghệ-sĩ chân chính nào lại tự thấy thỏa-mãn trước một tác-phẩm của mình. Vẫn biết nghệ-sĩ là một con người luôn luôn bất-mãn. Vẫn biết..

Phan chợt giật mình. Đồng thời với một tiếng còi rít lên từ phía bờ sông, Quang nắm chặt lấy cánh tay Phan :

— Cái gì . . .

Thiên quay lại phía Phan :

— Cậu đi với tôi.

Quang bị mắc phiền canh hạm hực chùn lại. Thiên và Phan vội vã đi tắt ngang lối chợ để tới thẳng bờ sông. Trong yên lặng khác thường cả hai nghe rõ từng tiếng sỏi lăn dưới bước giày đinh, khẩu súng Colt nặng nề đập vào bên hông, từng nhịp thở không đều.

Gió ào vào mặt, hai người dừng lại. Mặt sông mênh mang sấm ngoét. Vài ba ánh đèn chài chơi-vơi trong sương mù. Một đám người lơ-nhò cạnh đồn canh.

— Cái gì thế đồng chí ?

— Chạm súng.

— Ở đâu ?

— Bên kia sông. Đi tuần gặp địch.

— Có ai việc gì không ?

— Bên địch không rõ. Bên ta bị một người.

— À... tiếng còi...

— Báo động gọi người cấp cứu.

— Nặng hay nhẹ ?

Rồi không đợi câu trả lời, Thiên và Phan đã lách vào đồn. Người bị thương nằm mê-man trên một tấm phản lim bóng loáng dưới ánh đèn dầu. Hình như Thiên đã gặp người đó. Chàng nhủ mày cố nhớ. Ở đây, kẻ qua người lại, mỗi người một công tác, mỗi người một trách nhiệm, không ai hỏi ai, không ai biết rõ đời tư của người khác — trường hợp bộ ba Thiên, Quang, Phan là một trường hợp đặc biệt — Hơn nữa mọi người lại còn tuyệt đối phục tùng nguyên tắc bí mật, cho nên cố nhớ lại, Thiên cũng chỉ còn thấy lơ mờ hiện lên trên ký-ức, hình-dáng mảnh-khảnh của một thanh niên có bộ mặt khắc-khò của một thầy tu Ấn Độ.

Trước mặt Thiên và Phan, người thanh niên đó hiện đang nằm sóng-xoài, đã mảnh-khảnh lại thêm mảnh-khảnh.

Phan sẽ đặt tay lên trán người bị thương rồi reo lên :

— Còn nóng...

Nhưng Thiên thì tuyệt vọng đã từ lâu. Hình như ngay từ lúc lách vào đồn. Có lẽ ngay từ cái phút nghe thấy tiếng còi rít lên trong yên lặng của đêm khuya. Thiên chắc chắn là người thanh niên sẽ chết. Chàng lặng yên đợi chờ. Giữa lúc bất ngờ, chợt người thanh niên mở mắt. Trông mắt đảo một vòng. Trông mắt xa ra như trông thấy một cái gì lảng đãng từ xa đi lại, và người thanh niên nở một nụ cười. Trong giây lát, nụ cười nở hoa trên khuôn mặt khắc-khỗ. Trông mắt từ từ khép lại. Khép theo là nụ cười vừa nở. Gian phòng của đồn canh tối xăm hăm xuống. Người thanh niên ruỗi thẳng hai bàn tay như bằng lòng trả lại một cái gì chàng đang nắm giữ...

Lúc trở về, Thiên và Phan không đi đường tắt mà theo đường cái thẳng dốc lên trại. Hai người cúi đầu yên lặng bên nhau. Chợt Phan dừng lại :

— Lúc này ... cậu có thấy gì không ?

— Nụ cười...

— Ờ... nụ cười ...

Cả hai lại bước đều đều. Rồi Thiên như nói một mình :

— Tại sao lại cười ? Mà con mắt ... ở con mắt ... Có một cái gì còn sống, Phan ạ !

— Cái dùm linh hồn mà cậu vừa nói ...

— Tôi gọi nó là cái phần nội-tại của con người.

Phan không đáp lại, chàng nhìn lên trời. Sương vẫn phủ đặc. Có một tiếng gà gáy từ xa vẳng lại. Đêm bắt đầu tàn.



Lúc bấy giờ, đêm bắt đầu tàn. Thiên nhớ như vậy, nhớ từng chi tiết, nhớ cả đến cái cảm giác xa vắng mệnh mang của một tiếng gà gáy, nhớ nhất là nụ cười của người thanh niên, nhớ cho tới bây giờ. Chao ôi, nụ cười ! .. Thích Ca Mâu Ni, tĩnh tọa ở gốc Bồ Đề nếu có瞥见 một nụ cười gác ngọ thì Thiên dám tin ngay là cũng chỉ có thể đạt bằng nụ cười của người thanh niên trong đêm hôm ấy. Phải có tiềm ẩn một cái

SÁNG TẠO

gi đã thoát khỏi vòng kiềm tỏa của tục-lụy mới có thể nở lên một nụ cười hồn nhiên, tươi sáng như thế, trước khi từ giã cuộc đời. Cái gì đó, là cái gì?

Từ đêm hôm ấy tới nay, mười năm đã qua, cả Thiên lẫn Phan và Quang đều không dă động tới việc cũ. Họ vẫn nương vào nhau mà sống, cổ diu nhau bước từng bước dụt dề dưới ánh sáng của mặt trời. Nhưng Thiên biết Phan cũng như mình vẫn bị nụ cười năm xưa ám ảnh.

Phải có một cái gì. Nhưng cái gì đó, là cái gì? Câu hỏi được đặt ra đã nhiều lần trắng đêm, nhưng đã bao nhiêu lần trắng đêm mà câu hỏi vẫn còn nguyên là một câu hỏi. Cho tới mãi bây giờ.

Thiên từ từ nâng quyển vở nát nhàu lên. Chàng có cảm tưởng như sắp được đọc đoạn cuối của một cuốn truyện trinh thám ly kỳ. Chàng tin chắc sẽ được đọc những lời giải đáp cho mỗi băn khoăn của chàng. Có một người đang xử dụng những phút cuối cùng của đời mình để làm một cuộc thí-nghiệm. Cho Thiên. Sự tò mò làm át cả mối sốt thương một người bạn thiết vừa nằm xuống. Chàng đẩy mạnh cánh cửa sổ. Chiều bắt đầu xuống. Ánh nắng chiều tà thếp vàng lên những trang nhật ký đã thôi đề ngày tháng của một người hấp hối.

* * *

Rimifon. Streptomicine. P. A. S.

Rimifon. Streptomicine. P.A.S. P.A.S. P.A.S...

Thuốc men đã trở thành một thứ đồng hồ. Lơ dang nhìn cánh tay chịu đựng mỗi ngày nửa lít P.A.S. Có cảm tưởng là cánh tay của người khác. Nhờ lại cánh tay này đã vòng quanh lưng của Hà, nhưng lại chẳng thấy gì. Cánh tay, nửa lít P.A.S. Hà, cái lưng của Hà . . . tất cả những thứ đó không còn liên quan gì tới mình nữa. Nhưng mình là gì? Cái dùm linh-hồn sắp lìa thể-sắc, như một phi-cơ sắp cất cánh? Cái phần nội-tại của con người? Nghĩ nhiều đến Thiên. Và Quang. Trăng sáng quá. Nơi phi-trường sắp tới, không biết trăng có sáng không nhỉ?

Cứ nhắm mắt, là lại thấy hiện lên cái trông mặt và nụ cười của anh chàng thanh niên năm nọ. Tất cả nở hoa trước mắt. Nhưng đến lúc mở mắt thì phải cố gắng lắm mới dần dần nhận thấy giường, ghế, cửa sổ và cây . . . và ông bác-sĩ. Quang nó trẻ hơn mình và Thiên. Còn lại hai đứa. Một mâu thuẫn: Thiên thì suy-tư. Quang thì hành động. Một thẳng yên lặng quay vào bên trong. Một thẳng chồm-chồm ôm lấy cuộc đời. Có lẽ mình là

hai thằng hợp lại ? Thằng Quang là Hà, bàn, ghế, Rimifon P.A.S. Thằng Quang trong mình đã chết. Còn lại thằng Thiên. Nghĩa là CÁI GÌ, nghĩa là nụ cười đêm xưa, nghĩa là một đúm linh-hồn, nghĩa là cái phần nội-tại của con người.

Thiên ơi, trắng lại mọc rồi. Sắp sửa BIẾT đây. Cái gì ...
Sắp sửa...

Quang nâng ly rượu, nhắm mắt uống cạn một hơi rồi lại hấp-lấp cầm chai rượu mạnh rót đầy ly. Giọng chàng bắt đầu liu lại.

— Uống đi ... cậu ...

Trong ba người, Quang trẻ nhất. Quang lại không có gia-đình. Mất Phan, Quang thấy là mất rất nhiều. Cho nên từ buổi chiều nghe được tin, tuy không thích uống rượu, mà Quang đã uống như một gã lè-dương nghỉ phép. Từng ly một, chai rượu voi dần. Giữa hai người đối diện, còn lại vài trang nhật-ký của một người thứ ba đã mất.

Chợt Quang nắc lên cười. Tiếng cười nghe rờn rợn như những tiếng khóc củ ai. Chàng nói :

— Thế là rút cuộc, chẳng thằng đêch nào biết cái gì cả...

Thiên hiểu là Quang định nói tới những dòng chữ cuối cùng của Phan :

Thiên ơi, trắng lại mọc rồi... Sắp sửa biết đây... Cái gì...
Sắp sửa...

Cuộc thí nghiệm bị bỏ dở. Sự huyền-bí vẫn còn nguyên vẹn. Cảm giác đầu tiên của người chứng-kiến là một cảm giác bức-bội. Như một cuộc giao-hoan nửa vời. Như một cuốn truyện trinh-thám thiếu đúng trang cuối.

Quang lại cười, phá lên cười, rũ rượi mà cười :

— Này cậu... Hay là thằng Phan nó xỏ chúng mình ? Nó biết mà đêch nói ?

Quang say thật rồi. Vì vừa ngớt cơn cười, Quang lại đã nhắm mắt. Quang muốn khóc. Khóc thật sự, có nước mắt hằn hoi. Cho nó hả. Nhưng kể ra khóc cho ra nước mắt trong lúc này cũng là một điều khó. Thiên châm một điếu thuốc. Chàng nghĩ rằng có thể Phan biết mà không nói. Có thể là những cái gì Phan biết, nó thương quá, thương đến cái mực vô-nghĩa. Và đã như vậy thì ghi lại làm gì ? Nhưng cũng lại có thể, chơi vui nơi biên-giới giữa Sống và Chết, những khám-phá cuối cùng

của Phan, nó lạ lùng quá, vĩ đại quá, đến vượt khỏi giới-hạn eo-hẹp của những danh-từ. Và Phan đã chỉ biết cảm lặng.

Thiên cầm ly rượu. Chàng vừa thấy tan đi cái cảm-giác bức bối lúc đầu. Dầu sao thì Phan đã làm một cuộc thí-nghiệm, đã ghi lại những bước tiến của cuộc thí-nghiệm đó.

Những dòng chữ cuối cùng tuy chưa nói lên được cái gì, nhưng đã là kết quả của những dòng đầu. Và tất nhiên, kết quả của cả cuộc thí-nghiệm đã phải manh-nha trong suốt mấy trang nhật-ký. Có những cuốn truyện trình-thám đã được trình bày như một bài toán. Độc giả phải suy nghĩ, đem cái phần của mình góp vào để mà tìm ra đáp-số.

Chàng đặt ly rượu xuống bàn. Vì Quang vừa lên tiếng, đột ngột như vừa khám-phá ra một điều gì mới lạ :

— Thế ra chỉ còn có tôi và cậu.

Thiên nâng vôi ly rượu. Chàng cạn thẳng một hơi. Chàng nhăn mặt : men rượu vẫn còn lỏng-lẻo. Chắt vữa chộn vẫn chưa đều. Gạch ngói vẫn còn rời rạc. Những ly rượu chàng cạn từ buổi chiều vẫn là những ly rượu lẻ. Giữa hai ly, men vẫn chưa nối được cái cần liên-lạc : vẫn còn một chỗ trống không.

Chàng nhớ lại lời Phan .

Còn lại hai đũa. Một mâu-thuần : Thiên thì suy-tư. Quang thì hành động. Một thẳng yên lặng quay vào bên trong. Một thẳng chồm lên ôm lấy cuộc đời. Có lẽ mình là cả hai thẳng hợp lại ?

Nhưng Phan đã lên đường.

Vừa tan một chất men.

Vừa tàn một giai-đoạn.

Giờ đây, còn lại hai đũa : một mâu-thuần. Thiên chăm chăm nhìn Quang. Như một thù địch. Và cũng như một người bạn trăm năm.

Quang lại như mới khám phá được một điều gì mới lạ hơn điều lúc nãy :

— À . . . còn rượu. Uống nữa đi cậu.



Lúc bảy giờ, đêm đã xuống hẳn, đêm miền Nam lạnh lạnh nhiều sao.

Thiên nói :

— Vô ích. Rượu không đủ.

THƠ TỰ DO

TRẦN THANH HIỆP

SAY NHỮNG CHUYẾN MÙA ĐI

Đêm lặng xuân tiếng pháo
Nhẹ chân buông gió hồng
Ngõ mở rạng đông
Lý tháng ngày chưa cạn

Nhưng say rồi
Gầm thét không gian
Thoáng đời ngưỡng cửa vừa bước
Của ta nhiều ta

Không dạ quang rượu đẹp
Tỳ bà yên cương
Ai tiếc về ngã say chiến trường
SAY dù chưa tri-kỷ
Quán lạnh mùa thu
Mưa giăng mắc
Môi nhấp
Men ly biệt chân trời
Khi trùng dương ước hẹn viễn khơi
Tha thiết dáng tàu búp khói

Đôi tay vũ bão. Óc mặt trời
Tim cháy rực
Nhân-Ái
Reo tiếng suối yêu ca
Biền hồn không ta
Cười sao băng vỡ bóng Đêm
Mắt mềm khóc đời tang
Mở toang cửa sổ Tự Do

Thôi ngọt ngọt bít bùng
 Tháo xiềng đập ngục đồ gục
 Chiến thắng ngọt hương say
 Và say mơ thi-sĩ

Mơ thăm đoàn em nhỏ
 Áo lục quần điều
 Thơm đất ruộng hiền hát khúc đồng dao
 Mẹ già tóc tuyết
 Thương con lục bát
 Biếc lưng quỳên ngát tim đào
 Cầu đối ngô sen
 Cây nêu vút
 Pháo hồng sân
 Từ say không tháng năm
 Lớn bằng kinh-đị Thiên Vương Phù-Đổng.

CHẬP NỐI

Mắt thương đời giao-diềm
 Bài thơ không mùa
 Khóc tan vỡ
 Những đoạn thời gian
 Từ mặt mù vừa chào ánh sáng
 Nhớ nhau giòng nước hai bến sông
 Tim hình bóng rã rời đen trắng
 Đỉnh Hy-Mã vôi vôi Thái-Bình-Dương
 Trăng biếc ngọc âu yếm tay nhân loại thơ trẻ
 Ngăn cách những vạn-lý thành
 Mỵ khép trở về
 Tiễn đưa nghẹn bước
 Xanh lên hơn hử nhạc hỏi
 Trao gửi một lần nhiều lần chuỗi ngày thơ
 Bánh xe tròn nẻo cũ
 Địa-ngục xa niết-bàn
 Đường đi dài mãi mãi không thôi
 Có những suối đàn nữ hoa che miệng súng
 Âm tình người trắng biển giới màu da

Lòng vũ-trụ
 Chắp nối
 Linh hồn và linh hồn
 Cháy yêu thương ngàn nhịp điệu

BÀI THƠ YÊU

Tặng Thanh Tâm Tuyền

Một đêm thao thức buồn ngược mắt
 Đêm sao mờ tri kỷ
 Ngủ lìm dim những đám mây mờ
 Trên mảnh trời cắt xén nhìn từ ngõ hẻm
 Tôi nhớ em đẹp một bài thơ

Xa cách nhau ngàn vạn dặm
 Hay chẳng còn bao giờ gặp
 Trên đường dù vạn ngã tháng năm
 Nhưng tôi vẫn nhớ yêu người em đẹp

Hình ảnh em ngự trị trong tôi
 Như vẫn từ thuở nào thấm đượm
 Trên đê làng xanh cỏ hai bờ lượn
 Má em đào nắng sớm xiên lũy tre
 Tóc em huyền nón trắng tơ
 Mắt em lạnh buồn sông mùa thu
 Và em nói quê hương cười lộng lẫy hoa đất nước

Tôi chưa bao giờ thổ lộ
 Bởi thương tiếc nói gì
 Vì nói không hết và sợ giết
 Tình Yêu
 Mà tim em đã nhận không biết

Có bao giờ ai hỏi tôi còn yêu
 Hẹn ánh mắt cuối cùng
 Người em vẫn đó tim không thấy
 Tiếc chưa trao tặng
 Ngoại trừ yêu em và Đất Nước
 Mà nhận không bao giờ hết

TRẦN THANH HIỆP

TRƯỜNG HỢP PICASSO

DUY THANH

Thế kỷ 20, tên tuổi Picasso đáng được ghi vào hàng đầu tiên của nền hội họa cận đại. Người ta nói nhiều, nhắc nhiều tới tên nhà danh họa này, khen có, chê có, nhưng thử hỏi mấy ai đã hiểu thấu con người nội tâm của Picasso với bao nhiêu trạng thái quay cuồng biến đổi. Con người mà các nhà phê bình hội họa Âu châu đã mệnh danh là « Con quỷ của nghệ thuật ».

Tôi yêu Picasso, tính chất dũng mãnh của nghệ thuật ông, tính chất vĩ đại của con người ông mà phẩm cách độc đáo bao trùm cả thế giới hội họa.

Từ hơn 50 năm nay một mình tung hoành qua bao nhiêu môn phái, bao nhiêu trường họa đề rồi chưa bao giờ bằng lòng mình, Picasso lại can đảm phá bỏ hết đề bắt đầu khởi hành từ số không. Khác hẳn với các họa sĩ khác khi đã trở nên bậc thầy như Matisse, Léger, Rouault v.v..., bút pháp trước sau vẫn không hề thay đổi, chỉ có Picasso luôn luôn bất mãn, luôn luôn tìm kiếm, luôn luôn phá phách, luôn luôn mâu thuẫn và điều kỳ lạ nhất, Picasso vẫn thành công rực rỡ trước mọi thử thách. Ta phải công nhận ông là một thiên tài xuất chúng. Lịch sử hội họa hãnh diện có Picasso, người mở đường cho bao nhiêu họa sĩ trẻ tuổi của thế kỷ này.



Ra đời năm 1881, Picasso lớn lên đồng với lúc mà hội họa vừa bắt đầu thoát ra khỏi cái vỏ cổ điển với môn phái ấn tượng do Monet chủ trương cùng các bạn đường như Renoir, Pissarro, Manet, Sisley. Ngoài ra còn các bậc thầy khác như Van Gogh, Cézanne, Gauguin, cha đẻ của các môn phái dã thú, lập thể sau này.

20 tuổi Picasso tới Paris, trung tâm nghệ thuật thế giới. Qua các giai đoạn thử lửa Picasso chưa lần ra đường thoát. Biết vẽ lối gì đây khi mà trước sau đều vấp phải những họa sĩ

kim cổ như Toulouse Lautrec, như Ingres, như Michel Ange như Poussin, như Delacroix, Picasso khác nào như một gã bò rừng phá đường tiến mãi mà chưa ra tới bãi rộng. Tất cả những dấu đi cũ đều chưa cho ông tìm thấy bản ngã, khác nào như một người soi gương thấy hình ảnh phản chiếu không phải là mình. Đau khổ dày vò, không chịu nổi trong cái vỏ của kẻ khác, một bữa kia Picasso đã dám vượt ra ngoài giới tuyến để đi tới độ siêu hình. Từ nay Picasso là một nhịp cầu bắc giữa thế giới thực tại với thế giới vô hình nọ. Thôi không còn những màu sắc nhẹ nhàng kín đáo, tính chất lãng mạn của Thời Kỳ Lam, Thời Kỳ Hồng nữa mà chỉ còn những hình thể bị vụn vẹo đến tàn nhẫn. Màu sắc cũng biến đổi theo và đâm thọc vào mắt người xem một cách độc ác. Những tác phẩm bỗng trở nên một thứ địa ngục im lặng.

Chính Picasso là một hiện tượng nổi loạn thường trực, mà hội họa chỉ là phương tiện diễn đạt tâm trạng nổi loạn ấy. Luôn luôn phát minh, luôn luôn sáng tạo, Picasso ngày một tìm ra những hình thể tàn kỳ nhất, chưa dừng nhất.

« Tôi thấy chứ không phải tìm kiếm gì hết! » Đó là câu trả lời của Picasso khi người ta ngạc nhiên về sự phong phú ghê gớm qua số lượng tác phẩm. Phân tách ra, ta nhận thấy qua các tác phẩm đó tính chất kênh kiệu, một vẻ coi thường nhân loại đến độ khinh bỉ.

— Làm thế nào các người lại muốn rằng một khán giả có thể sống ở bức tranh tôi giống như tôi đã sống. Một họa phẩm đến với tôi như tự cõi nào xa lắm — Không ai có thể biết là bao xa, chỉ có riêng tôi đoán được, trông thấy được và tạo ra được. Ấy thế mà có khi ngay chính tôi cũng không hề nhìn nhận nổi những cái mà ngày hôm qua tôi đã tạo ra — Làm sao mà người ta có thể đi sâu vào cõi mộng của tôi, trong bản năng của tôi, trong khát vọng của tôi, khi tất cả những thứ này đã được gạn lọc thẩm nhuần từ bao lâu trong tôi rồi bật ra khung vải? Ai có thể hiểu nổi họa phẩm khi ở đó tôi vẽ bằng một phần vô thức?

Nghệ thuật Picasso có thể nói là thứ nghệ thuật cá nhân chủ nghĩa, ở đó sự phá phách, sự tuyệt vọng, sự mâu thuẫn lên tới cùng độ — Há Picasso chẳng bảo :

— Tôi coi bức tranh là một tổng số hủy diệt. Tôi vẽ một bức tranh rồi tôi biến hóa nó đi, có khi khác hẳn với ý nghĩ lúc đầu. Vậy mà cuối cùng tôi vẫn không hề mất mát gì cả, vì cái

màu đỏ mà tôi nạo từ chỗ này rất có thể sẽ phảng phất đầu đó ở một chỗ khác.

Hội họa Picasso là để thỏa mãn cái *chất không cùng* đồng thời với cái thú bất cần nhân thế. Ông gạt bỏ những gì gọi là thi vị, cùng các công lệ cũ rích. Picasso thấy cần đảo ngược tất cả, không phải vì lập dị mà vốn dĩ con người ông đòi hỏi như vậy.

Ta đừng tưởng Picasso bị quan :

— Tôi không hề bị quan, tôi không hề ruồng rẫy nghệ thuật vì tôi không thể sống mà không phụng sự cho nghệ thuật được. Tôi yêu nghệ thuật là mục đích và là cứu cánh của đời tôi. Tất cả những việc làm có liên quan đến nghệ thuật đều khiến tôi vui sướng. Nhưng sao chúng ta cứ phải theo khuôn sáo cũ mà quên mất phần sống bên trong của con người, những tâm trạng của con người chúng ta trong thế kỷ này. Tôi đòi hỏi một sự độc tài trong nghệ thuật, sự độc tài của các họa sĩ, sự độc tài của một cá nhân nào đó dám gạt bỏ hết thói quen, những trò tiêu sảo, những cái đẹp giả tạo và hàng bao nhiêu thứ khác nữa để *đem làm một cái gì mới*.

Chính vì cái ý muốn làm lại một cái gì đó mà đa số quần chúng hiện nay còn coi Picasso là một hiện tượng quái dị không thể hiểu nổi và khe khắt đến nỗi rằng bất kỳ một bức tranh nào có vẽ khó một chút đã vội gán cho Picasso — Họ nhìn nghệ phẩm, nhìn những hình thù méo mó, lệch lẹo mắt mũi tưởng như một thứ tượng tinh họa mà họa sĩ vẽ ra cho thiên hạ cười. Họ chưa đau nỗi niềm đau của Picasso qua từng nét bút, họ vẫn cho rằng Picasso chỉ là một kẻ khuynh đảo, rối loạn nghệ thuật — Tranh vẽ gì như những tiếng cười gằn, tiếng chửi rủa thách thức khán giả ? Họ đầu hiểu ở những hình thù ấy là do kết quả bao lần tổng hợp của kẻ sáng tạo : Một vệt sơn phóng xuống đủ tả một làn môi mà ở đó ta trông thấy sự mệt mỏi trống rỗng. Hai nét sơn màu son điểm thêm mấy chấm trắng là đã thành một miệng cười, trong đó nghe như phát ra tiếng cười ngu ngốc lạ. Lại còn cái đầu thiếu nữ này nữa, không hề có trán mà chỉ có cái mắt mở lớn như thế giới vừa trong sạch vừa đại dột.

Tôi vẫn nói hội họa Picasso chưa đầy chưa chát nên khi diễn tả dù có dướm màu siêu thực cũng không dấu nổi tâm trạng ấy — Tuy Picasso nhiều khi vẽ bằng trực giác, nhưng là thứ trực giác đã tôi luyện, rèn dũa từ lâu, đem dùng một cách tự nhiên mà vẫn đầy ý thức. Đừng tưởng Picasso sáng tác tình

cờ. Tất cả mọi tình cờ vào Picasso rồi đều thoát ra một cách quyết định, mọi hình thể sắc màu đặt xuống đúng với ý muốn của nghệ sĩ, mặc dầu Picasso đã có lần thú nhận « mỗi khi vẽ tôi có cảm giác như rơi vào khoảng không gian vô tận ».

Ta thử trở lại những Thời Kỳ Lam (Periode bleu) Thời Kỳ Hồng (Periode rose) sẽ thấy kỹ thuật vững vàng, tình cảm thơ mộng tinh tế qua những hình sắc dễ hiểu gần gũi người đời hơn.

Có người hỏi tại sao Picasso không tiếp tục vẽ như cũ có hơn không, vì những tác phẩm thời kỳ đó so sánh với các bức thấy thời cổ cũng không kém gì? Câu trả lời thật dễ dàng. Nếu vậy Picasso sẽ không còn là Picasso nữa. Sở dĩ ông đi vào nghệ thuật trừu tượng, chưa chắc là yếu hèn trừu tượng mà « phải cần làm một sự gì khác trước ».

Cái thuyết lý đó Picasso thể hiện không ngừng. Jaime Sabartès một nhà phê bình hội họa sắc sảo và đồng thời là người bạn tâm tình của Picasso, vì ông là một chuỗi chiến đấu liên tiếp, một sự chiến đấu tưởng như không hy vọng kết quả. Ta coi Picasso như trung tâm của các trạng thái luôn tiếp diễn, biến đổi từ phút này ^{đến} phút khác, khi tạo tác — Picasso đồng thời tạo ra thế quán binh cho mình để chữa lại cái lệch lạc của vũ trụ, Picasso tìm đến cái đẹp thuần chất qua sự tìm tòi ngẫm nghĩ của ông — Có lần ông đã giải thích về sự vẽ một cái mặt :

Các họa sĩ từ xưa tới nay khi vẽ cái mặt thì tất nhiên là đủ cả mắt mũi miệng. Riêng tôi lúc đầu cũng thế, chỉ có khác khi vẽ cái mặt đầy đủ cả mắt mũi xong thì tôi đi từ cái mặt đến một nét vòng. Nét vòng cuối cùng này là tổng hợp của nghệ thuật tôi.

Các nhà phê bình Âu Châu khi nói tới Picasso đều đồng quan điểm : Y là người nắm được tất cả các chìa khóa để mở tất cả các cửa của lâu đài nghệ thuật.

Trường hợp Picasso có thể nói gần như một trường hợp duy nhất — Chưa ai tự hào là có thể bắt kịp Picasso — Khi ta tưởng nắm được mấu chốt hình thái luân chuyển của hội họa ông thì trái lại Picasso đã vượt sang địa hạt khác rồi. Con người nghệ thuật vĩnh cửu này chưa hề bó mình trong lệ luật nào hết mà cuộc sống nội tâm được ví như kẻ tội phạm mà chính mình làm đầy đủ.

Hiện nay Picasso bèn trời Âu vẫn còn hăng hái sáng tác. Nhưng ai biết ông sẽ đi tới đâu ? Claude Roger Marx, nhà phê bình Pháp có lần bằng khoáng tự hỏi : Có lẽ rồi đây họa phẩm mới nhất của Picasso sẽ là một bức họa không màu ?

Ta thử chờ xem.

DUY THANH

T H O ̣ Q U Á C H T H O Ạ I

XANH

Ngày mở mắt
Sáng hôm nay
Tôi nhìn ra ánh lửa
Cuộc đời ơi
Và đây nguồn vũ sữa
Và đây ngàn cánh cửa
Tôi nghe gió thổi ạt ào
Những người đi
Và tiếng nói lao xao
Những chân bước
Cùng đất cười huyền ảo
Nắng chảy đội tuôn trào
Tôi bỗng thấy
Những ngày xanh
Trong cặp mắt trong xanh
Những mầm vui ở nơi cặp môi anh
Đại dào sóng vô đại dương xanh.

QUÁCH THOẠI

GIÁO DỤC : ÁP BỨC HAY GIẢI PHÓNG ?

HOÀNG THÁI LINH

Tinh-thần Nho-giáo còn khả năng dung nạp những ý-niệm mới về nhân phẩm, nhân vị, quyền sống, tự do, bình đẳng, đề thiết lập một quan-niệm và một phương pháp giáo dục thực sự giải phóng con người không ? Đó là vấn-đề mà chúng tôi muốn nêu lên làm đề tài tranh luận giữa các độc-giả của SÁNG TẠO. (Trích trong bài)

Con người sinh ra không hoàn toàn, về phương-diện trí-thức cũng như về phương-diện luân-lý. Vậy ý nghĩa cuộc đời này là tiến dần lên chỗ hoàn toàn, tuy không bao giờ đến hoàn toàn. Vì nếu ta đến được hoàn toàn, sẽ không còn cố gắng, tiến bộ, không còn nghiên-cứu học hỏi và luyện tập đức tính. Sự thực là ta sẽ không bao giờ biết hết và thành người hoàn toàn. Sự hoàn toàn về trí thức cũng như về đạo đức chỉ là *nhãn giới cuộc đời tiến tới* mà không bao giờ đạt đến. Nhưng điều thiết yếu không phải tại chỗ đạt tới, nhưng ở chỗ *cố gắng không ngừng* muốn đạt tới qua thử-thách, thất-bại, ở chỗ luôn luôn hướng lên sự hoàn hảo là lý tưởng.

Vậy giáo-dục là công-trình hướng dẫn một người từ khởi điểm không hoàn toàn tới chỗ hoàn toàn hơn mãi... Khởi điểm một người chưa giáo-dục là tình-trạng *nhiên-tĩnh* ; và ý nghĩa giáo dục là giúp người đó *phủ-nhận* *nhiên-tĩnh*, tiến tới *nhân-tĩnh*, các giá-trị luân-lý. Như thế giáo-dục bao hàm một công trình *giải-phóng* con người. Con người có giáo-dục có luân-lý, là con người từ chối bản năng tự nhiên để sống theo tiếng gọi của nhân lý.

Trong viễn tượng kiểm điểm lại những giá-trị cũ, ta thử nghiên-cứu xem nền văn-hóa của ta, thoát thai từ Nho giáo đã quan-niệm về giáo-dục thế nào ? Nói cách khác, giáo-dục theo Nho giáo là một *giải-phóng* hay một *áp bức* ?

CƠ-SỞ LÝ-THUYẾT CỦA NỀN GIÁO-DỤC NHO-GIÁO.— Giáo-dục Nho giáo xây trên một nền tảng luân-lý chủ-trương quan-niệm *thiên-địa vạn-vật nhất thể*. Yếu tố lưu hành duy nhất là *Thiên-lý*. Nhân lý là một

phần của thiên-lý; vậy giữ được đồng tình, đồng cảm, đồng hành với thiên-lý là luân-lý. Nói cách khác, đạo nhân là làm sao rập theo được đạo thiên. Vậy đạo thiên lý là gì? Theo Nho học, nguyên thủy là hai nguyên lý âm dương tương khắc nhau sinh ra *dịch*, biến hóa đến chỗ bình hành tức sinh ra vạn vật. Vậy chỗ bình hành cũng gọi là chỗ điều hòa, chđịnh vị . . . tức là đạo Trời hay *Trung*. Trung là cái đạt của đạo thiên.

Con người nhờ có *lương tri*, một phần thiên lý thuần thiên, nên có thể tương cảm tương ứng được với Trời. Nhưng lại có Tư tâm Tư ý thường bị vật-dục lôi cuốn làm mờ ám. Vậy làm sao bỏ được Tư tâm, làm sáng lương tri thì tất tới được *đạo-nhân*. Sự đạt đạo nay là *Trung-dung*, nghĩa là thực hiện được cái Trung của đạo Thiên, tức hành động theo thiên lý, theo mệnh trời. Người quân tử là người bao giờ cũng cố gắng sống theo Thiên lý, người tiểu nhân buông theo bản dục : quân tử vị nghĩa, tiểu nhân vị lợi. Hai tư-cách căn-bản của người đạt đạo là *Nhân* và *Ái*. Nhân tức là đạt được đạo Trung dung, hiểu được cơ trời ; vậy có thái-độ bình thân, hoạt-động thích ứng điều hòa, không thái quá, không bất cập. Nhân và Trung đồng nghĩa.

Đạt thiên lý tức cũng là nhận thức được cái lý vạn vật nhất thể, do đó mà sinh ra *Ái*, tư cách đạt đạo thứ hai của người đạt đạo. *Ái* là sở năng cảm thông lễ nhị, thương yêu giúp đỡ bao dung độ lượng với vạn vật và nhất là với đồng loại. Vậy *Ái* cũng đồng nghĩa với Nhân. Nói cách khác : Nhân *Ái* là những biểu lộ khác nhau của cùng một thực tại : đạo nhân đồng nhất với đạo thiên.

ÁP DỤNG TRONG LUÂN-LÝ THỰC TIỄN.— Theo Khổng-Tử, ít người đạt được đạo nhân : bậc quân tử thánh nhân là hiếm. Muốn cho đa số hưởng dụng được lợi ích của đạo nhân, Khổng-Tử sau định ra *Lễ Nghĩa*.

Ta có thể định nghĩa *Lễ* là một hệ-thống những mẫu mực, khuôn khổ xác định tỷ mỹ thái-độ, hành-vi của mọi người trong các mối tương quan với nhau trong gia-đình, xã-hội ở các trường-hợp khác nhau. Các mối tương quan này quy về 3 mối lớn : Quân Thần, Phu Phụ, Phụ Tử.

Công dụng của *Lễ* là cốt sao *rập hành vi cá nhân vào đúng những khuôn nhất định*, không cần hiểu biết mà chỉ cần vâng theo. Tính chất của *Lễ* là tôn ti đẳng cấp và phục tòng người trên.



Ta có thể công nhận phần lý-thuyết của luân lý Nho giáo : Thiên lý có thể coi là lý-tính phổ biến, và con người có lý-trí có nhiệm-vụ nhận thức và hành-động theo lý tính.

Nhưng phần luân lý thực hành, phải gạt đi vì nó là *một áp-dụng luân lý lý-thuyết* vào một *hoàn cảnh xã-hội* thời đó là chế độ phong kiến. Vậy Lễ Nghĩa của Nho-giáo chỉ là biểu-dương tính chất của chế-độ phong-kiến. Nó là lợi khi vừa đề *biện chính* (Justifier) vừa đề *dụ-tri* trật tự phong-kiến. Đặc điểm của trật tự phong-kiến đặt trên cơ-sở Nho-giáo là áp-bức người yếu và ủng-hộ người trên. Trong xã-hội Nho-giáo, kẻ yếu chỉ có *nhiệm-vụ* mà không có quyền lợi. Nhiệm-vụ của họ là phục tòng theo mệnh-mệnh, phục vụ người trên.

Do đó luân lý Nho-giáo thực tiễn là một áp bức, không phải một giải phóng vì đã phủ nhận quyền sống, nhân vị kẻ yếu, người thấp hèn. Công nhận rằng chỉ một số người thấu suốt được đạo, giữ được đạo và sinh ra như là đề sai khiến, được tòng phục là một quan-niệm phản ánh ý-thức-hệ quân-chủ, phản nhân-vị vì đã phủ-nhận khả-năng của đa số, của dân cũng là người như ai. Khinh dân, không tin tưởng ở dân là một đặc điểm của chế-độ quan-liêu phong kiến.

Luân lý Nho-giáo là một luyện tập (dressage) không phải là giáo-dục, Luân lý Nho-giáo coi người như cái máy hay con vật chỉ cần bắt vào khuôn, giữ một mớ lễ nghi tỷ mỹ mà không cần có *ý thức, hiểu biết*. « Lễ » xác định phải vái thế nào, lạy mấy cái, ăn mặc làm sao v. v. . .) Vái đúng, lạy đúng là giữ luân lý rồi. Luân lý Nho-giáo hoàn toàn có tính cách *hình thức*.

Tệ hơn nhất, là luân lý Nho-giáo muốn trói chặt con người ở mãi địa-vị thụ động, tòng phục. Trong quan-niệm giáo-dục là một giải-phóng, giáo-dục là *đề-nghị* với một con người tự-do một luân lý để người đó *ý-thức* được giá-trị và sự cần-thiết một đời sống đạo đức, rồi tự-do *chấp-thuận* và cố gắng *thực hiện*. Tại sao vấn-đề luân lý chỉ đặt ra với loài người ?

Một con khỉ đi xe đạp trên giây rất giỏi, hành-động đó không có giá-trị luân lý vì nó chỉ là 1 thói quen do luyện tập (dressage). Ta bắt một đứa trẻ phải ngồi yên trong lớp mà không giảng cho nó hiểu tại sao phải yên lặng ; thái-độ miễn cưỡng đó không có giá-trị luân lý gì cả ; chỉ có giá-trị luân lý trong trường-hợp *ý thức* được giá trị luân lý đó và tự do *chấp nhận*, rồi *thực hiện*.

Vậy bắt buộc, miễn cưỡng với con người là áp-bức, đè nén, không phải giáo-dục.

Giáo-dục bao hàm người giáo-dục và người được giáo-dục. Tỷ dụ trong gia-đình, dĩ nhiên con cái tùy thuộc cha mẹ, do đó phải vâng lời cha mẹ chỉ bảo dạy dỗ. Nhưng mục-đích giáo dục là đưa đứa trẻ từ trình độ *lệ thuộc* lên trình độ *tự lập*. Cha mẹ giáo dục con cái là giúp cho con cái dần dần được sự *quan-hệ* đời sống luân lý và *tự trách-nhiệm*.

lấy đời mình. Lúc đó, cha mẹ như *tự xóa đi* để cho con cái đã lớn tự quyết định chọn hướng đời mình (hôn nhân, nghề nghiệp ; vì không ai có thể muốn, chọn thay cho một người khác nếu ta xác nhận rằng mỗi người có một ơn gọi (une vocation) và một số phận riêng (une destinée personnelle).

Quyền Phúc âm của đạo Công-giáo có đoạn kể khi người ta hỏi Thánh Joan về địa vị của người, địa-vị của Chúa Cứu-thế xuống trần, ngài đáp : « Tôi thì bé đi, người thì lớn lên. » Ý nghĩa giáo-dục bao hàm một cách sâu xa trong lời nói đó, người giáo-dục dần dần bé đi, tự xóa, người được giáo-dục lớn lên, tự lập. Cha mẹ tự xóa, người giáo-dục tự xóa lúc con cái—người được giáo-dục—đến chỗ trưởng thành, và nói với họ : « Đây, chúng tôi đã sẵn sàng dạy dỗ anh; bây giờ anh hiểu đời là thế nào và anh phải tự trách-nhiệm xây lấy cuộc đời anh; vậy anh suy nghĩ và chọn, quyết định đi ».

Giáo-dục như thế là giải phóng con người, như chim khi lớn lìa mẹ chúng.

Nhưng giải-phóng không phải là để tự-do muốn làm gì thì làm, vì giáo-dục giải-phóng đã sửa soạn đầy đủ những điều-kiện giải phóng. Cái tự do mà nhà giáo dục « giao » cho người được giáo dục khi đặt họ đứng trước nhiệm-vụ phải tự quyết định và xây lấy cuộc đời của mình không phải là một *tự do dễ dãi*. Người được giáo dục « cầm » cái tự do đó bằng tất cả một lòng nghiêm trang lo lắng như « cầm » một đồ quý báu dễ vỡ, vì tự do xây cuộc đời ở đây đã biến thành một *trách-nhiệm*, không phải là một quyền lợi. Do đó rất có thể có nhiều người không đủ can đảm nhận tự do đó nghĩa là nhận sống tự lập, vì người cũng hay có tính ỷ lại, thích người khác muốn họ, làm họ, quyết định họ, trách nhiệm họ.

Tất cả khó khăn của công việc giáo dục là ở chỗ làm thế nào cho người được giáo dục hiểu và có thể dùng sự tự do làm những điều *hợp lý* đó.

Nhưng mặc dầu khó khăn, giáo dục không thể chọn những con đường khác dễ dãi mà không hủy diệt thực-chất của mình là một giải-phóng. Ý nghĩa sâu xa của một hình-thức độc tài là chọn sự dễ dãi, chắc chắn, không dám liều. Sở dĩ một giáo dục độc tài, một chế độ độc tài là vì muốn cho tất cả những phần tử đứng trong một khuôn nhất định, đi trên những con đường đã vạch sẵn để không còn nguy hiểm sai lầm, lạc hướng. Nhưng như thế là hủy diệt thân phận con người là một phiêu lưu pha trộn thắng bại, đúng sai, tiến lùi. Không thể phủ nhận tự do mà không phủ nhận bản tính con người. Cũng như không thể công nhận tự do mà lại không công nhận nguy hiểm có thể lạc hướng, chọn sai, sa ngã . . . vì nhất định ở đời này không thể có gì hoàn toàn.

Một chế độ hoàn toàn, khuôn nếp cả, bề ngoài có thể đẹp nhưng thực sự chỉ là một áp bức tham vọng. Tham vọng của những người độc tài là muốn đóng khuôn tất cả ; như thế tiện lợi, vì sẽ không còn sợ sai lầm sa ngã vì không còn tự do tranh luận, sáng tác ; nhưng chính cái tiện lợi đó bóp chết con người tự do và tiến bộ. Vì chỉ có thể tiến bộ nếu ta khiêm tốn công nhận tình-trạng hiện tại chưa hoàn toàn cần phải tiến lên mãi và tiến lên nhờ thử thách, thí nghiệm, dò dẫm, nghĩa là qua nhàm lẫn, sa ngã. Tiến bộ đòi hỏi một tinh-thần cởi mở và một lòng khoan dung.

Do đó giáo dục gia-đình cũng không thể có tính-cách độc tài máy móc : bắt con cái tuyệt đối vâng lời một cách mù quáng, và tuyệt đối lệ thuộc cha mẹ mãi mãi. Pháp-luật của chế-độ cũ, hình-thức khách quan của Nho-giáo công nhận con cái là vật sở hữu của cha mẹ. Cha mẹ có quyền bán con, đánh chết không có tội, có quyền quyết định hôn nhân của con cái, lấy cớ Đạo Hiếu. Như thế là phản luân lý giáo dục chính đáng, vì phủ nhận cái lẽ tất nhiên của gia-đình là *sửa soạn tạo ra những gia-đình khác*.

Vậy nguồn gốc áp bức ousa Luân-lý Nho-giáo thực hành là ở chỗ sai lầm này : *Bắt người đã lớn làm trẻ con mãi*.



Những nhận xét trên cho ta hiểu tại sao nền luân lý cũ bị công kích và đổ dần từ khi văn hóa Âu Tây tràn sang Việt-Nam. Ngày nay những tương quan xã-hội đã biến đổi. Đã hết rồi, thời quan liêu, đế vương thống trị. Người ta tiến dần đến chỗ thực hiện những tương quan mới xây trên những ý niệm mới : Bình đẳng, Tự do, Dân chủ v. v. ... Con người mới đã ý thức được quyền sống, quyền làm người của mình và muốn *tự trách nhiệm* lấy số phận cuộc đời mình, nghĩa là tự do lựa chọn, quyết định, lo liệu cho cuộc đời mình. Người ngoài (gia-đình, xã-hội) chỉ có thể *giúp*, không thể muốn, làm *thay* được.

Những tác phẩm của nhóm Tự-lực Văn-đoàn biểu lộ một xu hướng chống lại chế-độ gia-đình khắc khe cũ và như thế, đã có một ý thức về nhân-vị. Ta hãy nghe những ý nghĩ hay câu nói của Loan trong ĐOẠN TUYỆT chẳng hạn :

« Sao nhà trai đến hỏi mà thầy mẹ lại không bảo mình lấy nữa câu. Thế thì mình có hay không có ở nhà này, mình lấy chồng hay đi lấy chồng ? »

— Vâng thì xin mẹ đề tùy ý con, và nhân thế mẹ đề tùy con định có nên lấy chồng hay không nên lấy chồng. Con đã nhiều lần thưa với mẹ rằng con không thể....

Bà Hai giận dữ : À, cô không thể... Cô phải biết cô lớn rồi, cô phải biết nghĩ chứ ?

Loan vẫn ung dung từ tốn : Thưa mẹ, chính vậy. Chính vì con lớn, con biết nghĩ nên con mới thưa cùng mẹ rằng con không thể về làm dâu nhà ấy.

Bà Hai nói : Để thường cô tưởng chuyện chơi sao ?

Loan đáp : Không, con không cho là chuyện chơi. Con cho là một, chuyện rất quan hệ trong đời con, mà *chỉ quan hệ đối với con thôi*.

— Còn tôi ? Ra cô không coi lời hứa của tôi vào đâu cả ?

— Thưa mẹ, sao mẹ hứa với người ta. Trong bao nhiêu năm mẹ nhận lễ của người ta. Nếu mẹ nghe con ngay từ trước. Người ta đến ăn hỏi, mẹ cũng nhận, lỗi đó không phải ở con, vì mẹ không cho con hay. *Việc của con mà thầy mẹ coi như là không có con ở nhà này.*



Chúng ta *trở về nguồn* để tìm lại giá trị cũ. Nhưng trở về nguồn không phải là nệ cổ. Trung thành với truyền thống người xưa không phải là kính cần duy-tri tất cả những hình thức khách quan của lễ lối cũ, nhưng là trung thành với *tinh thần* của người xưa. Chúng ta gạt đi cái phần tiêu cực, những áp dụng bất thời của Nho-giáo và giữ lấy cái *tinh thần* Nho-giáo, đem *thích nghi* với những đòi hỏi của xã-hội mới. Một lý-thuyết chỉ tồn tại mãi khi nó là một lý-thuyết *cởi mở*, sống động, đòi hỏi luôn luôn những cố gắng sáng tạo, thích nghi. Sở dĩ nhiều chủ nghĩa thành lạc hậu, chết, không còn hợp thời là vì tự cho mình là hoàn toàn, khép kín và không có nỗ lực thích nghi.

Vậy đến đây, vấn-đề đặt ra sẽ là : Tinh-thần Nho-giáo còn khả năng dung nạp những ý-niệm mới về nhân phẩm, nhân vị, quyền sống, tự do, bình đẳng, để thiết lập một quan-niệm và một phương pháp giáo dục *thực sự giải phóng con người không* ? Đó là vấn-đề mà chúng tôi muốn nêu lên làm đề tài tranh luận giữa các độc-giả của SÁNG TẠO.

HOÀNG THÁI LINH

SỰ TÂM THƯỜNG CẦN THIẾT NGÀY KHAI TRƯỜNG

THANH TÂM TUYỀN

Tôi vào quán ăn điểm tâm một bát phở và một ly cà phê nhạt, trả 9 đồng. Sự ấy không làm tôi xúc động gì. Từ khi còn là đứa bé mồ côi chỉ tiêu bằng những đồng trinh của bà và mẹ đến khi làm ra tiền tiêu bằng những đơn-vị cao hơn, tôi không tìm thấy sự liên-lạc mật thiết giữa tôi và đồng tiền. Tuy tôi hiểu tiền sẽ làm thỏa mãn những nhu yếu của tôi, nhưng tôi vẫn rất ngại thơ trong sự kiếm tiền.

Ngoài trời thay đổi xao xuyến như những ngày trở thu ở quê hương. Đã bốn năm năm tôi theo đuổi nghề dạy học và khai trường ở những nơi khác nhau. Mức sinh-hoạt biến thiên rất nhiều nhưng lương của tôi chưa hề vượt khỏi mức thấp kém nhất. Đôi lúc tôi nói đùa là số phận của tôi như thế. Ở miền Nam một ngày như hôm nay là một sự bất ngờ hiếm có. Tôi để dành tất cả tâm hồn cho kỷ-niệm mà kỷ-niệm ngày khai trường nhiều nhất là về những học sinh của tôi.

Ở miền Bắc trời có thể mưa nhỏ, tôi lặn lội hàng mười cây số để đứng dưới một bóng cây nhỏ giữa khoảng không gian hoang vu của thành phố tiền tuyến thời chiến-tranh cùng những em học sinh chất phác ưu tư. Chúng tôi làm việc cùng nhau với không khí nghiêm trọng trong mỗi người. Những lời chúng tôi nói với nhau đều là tâm sự. Hoặc trường của tôi nằm trên gò đất gió hút lạnh trống. Nhưng những khuôn mặt và tâm hồn ở đâu đến với tôi cũng đều giống nhau.

Hôm nay tôi cũng đến một ngôi trường ngoài châu-thành Saigon. Các em đã biết thế nào là ngoại ô chứ? Những căn nhà gỗ dựng trên bùn lầy, những đường ngõ sống nước. Ngay đường đến trường mùa nước ròng của con lạch cạnh bên cũng ngập nước và ngập cả lớp học. Chúng ta đã gặp nhau ở đây, có cả mùi hôi thối đầy gian phòng. Trong năm tôi rất nghiêm khắc và bây giờ tôi mỉm cười khi gặp mỗi em. Các em có biết không? Tôi chán ngấy những bộ mặt người lớn và chỉ còn muốn nhìn các em. Tôi nói thẳng ý nghĩ ấy với một bạn đồng nghiệp lúc tất cả các em đã vào lớp, riêng chúng tôi ngồi ở phòng giáo sư không

có công việc. Tôi uống những hộp nước nóng và nhìn trời yếu đuối buồn rầu. Vì ngay trong xã hội bé tí của chúng ta, là cái trường các em đang theo học, cũng xảy những sự tranh chấp, tị hiềm nhỏ nhen. Tôi buồn cười lắm và sự cười thầm làm sáng khoái tinh thần trong một buổi sáng mát mẻ như hôm nay. Đáng lẽ tôi có thể cười to một mình mặc dù đầu tôi hâm hấp nóng. Người ta chưa hiểu nổi những sự tâm thường mà tôi cảm thấy — tôi sẽ kể với các em — mãi theo đuổi những sự ty tiện của tâm hồn.

Trong khi các em ngồi trong phòng học, có thể em đang phải làm bài luận văn nói về cảm tưởng ngày khai trường hay em nhìn khóm cây ngất gió ngoài sân hay em nhớ ngày vui chơi đã qua, tôi ngồi như các em trong một căn phòng đầy dấu vết của một năm qua, một mình. Sân trường chỉ còn vài người bán quả bánh. Thịnh thoảng, một người mẹ, một người chị, một người bà dẫn những em rất nhỏ đến xin học. Người thư ký đặt bàn giữa giờ làm việc.

Các em muốn biết tôi sẽ nói gì với các em ở đây ?

Chỉ là những sự tâm thường, tâm thường quá, các em thường gặp trong đề luận giáo sư hỏi trong năm.

Trước hết tôi gặp một em học sinh trai lớp đệ tam chương trình trung học Pháp. Em nói chuyện với tôi về một người bạn em đã thôi học như em. Em muốn tôi giúp hai em kiếm việc làm. Rồi em hỏi người giám đốc trường xin một chân giáo viên tại trường. Tôi lặng thinh nghe cuộc đối thoại. Người ta từ chối em vì cho rằng em còn nhỏ và chưa có râu, tôi không khỏi hài đầu. Tôi còn gặp hai em nữa cũng cùng lớp với em thứ nhất, một gái và một trai. Em gái gầy và xanh hơn trong năm. Em đến xin cái thẻ học sinh vì em đánh mất cái cũ, em chưa đến tuổi lấy căn cước. Tôi đã gặp em một hôm ở trong một trường dạy đánh máy chữ ra. Em cũng thôi học rồi. Em nói nhỏ và yếu quá mất hẳn động nghịch ngợm tôi thường được nghe. Em hình như e sợ những câu hỏi của tôi. Ở ngoài gió thật nhiều. Khi rời khỏi phòng tôi lo em sẽ khóc ở một quãng xa. Tôi nhớ giọng nói yếu như hơi gió ấy mãi. Chắc chẳng bao giờ tôi được gặp em ấy nữa ? Không hiểu sao tôi định ninh như vậy. Em trai thứ hai nộp đơn xin việc làm lâu nhưng chưa được trả lời. Ba em vừa thôi việc ở xưởng Ba Son. Tôi khuyên em nên chọn một nghề mà học tốt hơn là đi làm thư ký cho hãng buôn tư, nhất là trong lúc này. Em trả lời em đang học làm thợ mộc. Tôi khuyên em chọn nghề như tôi đã nghĩ đến : việc đi học nghề cắt tóc.

Có phải những câu chuyện ấy tâm thường quá phải không các em, khi các em nhìn lên bảng đen vào buổi sáng còn ướt ?

Hẳn bao giờ các em cũng muốn biết cảm tưởng của tôi ?

Tôi cũng chỉ coi như trăm ngàn sự việc tầm thường khác xảy ra hằng ngày quanh chúng ta. Nhưng hôm nay là buổi sáng khai trường, trời bỗng như mùa thu, tôi đã cười sáng khoái, nên những sự việc ấy có mang lại cho tôi những cảm giác riêng. Tôi cảm thấy rằng tôi có trách nhiệm, một thứ trách nhiệm rất tầm thường như tôi vẫn hằng xúc động khi trong gia đình tôi vì nghèo túng mà những người thân yêu trở nên bần gất với nhau. Tôi xúc động như khi trông thấy mẹ tôi tất tưởi vay nợ và khất nợ cho gia đình, như khi em tôi thiếu vài đồng bạc để mua một cái bút chì.

Nếu các em biết rằng tôi đã đau đớn dẫn vật hành hạ tôi vì những thứ trách nhiệm vượt ra ngoài tầm sức tôi — tôi chưa thể nói với em được — các em sẽ hiểu cái ý nghĩa của những trách nhiệm tầm thường này.

Đã có người bảo tôi — và tôi cũng lúc nghĩ như thế — chúng ta phải quên những trách nhiệm tầm thường để khỏi bận tâm mà lo những trách nhiệm lớn lao khác. Nhưng bây giờ tôi cho những sự tầm thường là cần thiết cho cuộc đời. Lòng tôi đã buồn thêm và ham sống thêm vì những sự tầm thường ấy.

Trên đường về tôi đi qua phố chợ náo nhiệt. Tôi nghĩ đến tất cả các em và những ngày khai trường. Tôi bỏ rơi những sự nhỏ nhen ở chỗ của chúng.

Bởi mỗi chúng ta sẽ tìm về những điều tầm thường của riêng mình và chính ở đấy chúng ta gặp nhau. Lời cuối cùng tôi viết cho người đọc.

3 - 8 - 56

THANH TÂM TUYỀN

MÙA XUÂN NHỚ NGƯỜI

TÔ KIỀU NGÂN

Mùa xuân năm ấy, có hai mẹ con một bà lão đi vào rừng sâu. Họ vừa đi vừa chạy, hớt ha hớt hải như bị cọp đuổi. Nhưng sợ cọp đuổi thì tại sao lại đi sâu vào rừng? Thật ra, họ không bị cọp đuổi mà bị loài người đuổi hay tự họ, họ đã chạy trốn loài người thì cũng thế. Bà lão đã già nhưng đôi chân còn chắc và cô con gái thì khỏi nói, với đôi má hồng, mớ tóc mây, với mười tám mùa xuân của nàng, nàng có thể bất chấp vạn dặm trường. Và, hai mẹ con nàng, càng ngày càng đi sâu vào rừng xanh. Họ tiến nhanh hơn bóng chiều và dậy sớm hơn mặt trời với một ý định thiết tha : đi cho thật nhanh, cho thật xa, xa hẳn xã hội loài người. Họ đã bỏ lại sau bước chân họ bao nhiêu chợ búa, thôn bản, thị trấn ồn ào. Nơi nào còn hơi hướm và bóng dáng con người, nơi ấy họ còn phải lánh xa. Và, một sáng kia họ đã đến đích. Bà lão mệt gần đứt hơi. Cô con gái xuýt xoa vì đôi chân nứt nẻ nhưng cả hai đều thở một hơi dài sung sướng vì trước mặt họ, mùa xuân đã về. Rừng thiêng thay là mấy tuần nay đang trải ra trước mắt họ màu xanh rờn, phơi phới. Suối biếc róc rách bên ven đồi. Hoa rừng nở trắng bờ khe. Tiếng đàn chim riu rít vỗ cánh lượn quanh ngọn đồi in bóng rợp xuống cỏ xanh trong khi nắng vàng ấm áp bừng lên, dẹt gấm trên lối mòn đất đỏ. Không khí trong vắt. Không gian cao rộng quá, trời xanh quá, và niềm vui của bà con bà lão cũng bao la, sôi nổi quá !

— Thôi thế là ta đã bỏ lại bên kia tất cả buồn đau, tủi nhục, những phiền lụy, đắng cay, những bạo ngược, bất công, ác độc. Mẹ con ta bắt đầu sống một cuộc sống khác

Họ đến cây phật cổ, dựng lên một mái lều. Một khoảng đất nâu tươi được xới lên, từng vòng thẳng tắp, vàng ánh mặt trời, hạt giống dầu tặn dưới đáy tay nải của bà lão được gửi vào lòng đất cùng một lúc với mồ hôi của hạt người. Ngô đậu vươn lên xanh mướt. Ngô đậu càng xanh, mắt họ càng tươi.

Mỗi khi nhìn những con chim nhỏ riu rít, liu lo, chuyển từ giàn mướp sang giàn đậu trong khi khói bếp uốn éo vươn lên sau mái tranh, bà cụ thường ngẩng mặt lên ngắm trời xanh mà suy nghĩ. Mặt trời sáng lên không phải để cho người ta giết chóc nhau. Và bóng tối sẫm đi có mặt là để xoa dịu, và ve vuốt lòng đời. Nhưng tội ác đã hiện ra trong bóng tối. Tội ác lại hiện ra giữa ban ngày và mỗi tội ác đều có những lý do tởn, lại. Hơn nữa thế kỷ, bà đã sống qua những ngày tủi nhục, é chề. Bà không muốn con gái mình cũng sa vào móng vuốt của cuộc đời, của loài người không tình thương. Bà đã giữ người thiếu nữ bé bỏng, ngày thơ kia ra khỏi vực đời khi nàng sắp sửa chìm sâu vào, và bây giờ thì giữa khu rừng quanh vắng này, hai mẹ con đành thương lấy nhau và sống vì nhau. Bàn bè của họ là vồng rau, luống đỗ, là bọn chim rừng, cá suối với khoảng trời xanh rất thừa không khí trong lành. Đêm đêm, họ đã qua những giấc ngủ không hề mê hoảng, không trần trọc, không sợ ai gõ cửa giữa đêm khuya. Ban ngày, bà lão cuốc cỏ, bắt sâu cho ngô khoai. Trong lúc có con gái thơ thần bên bờ suối xanh, nói chuyện với chim, nó đùa cùng bướm hoặc hái những cánh hoa vàng thả trôi theo giòng nước chảy. Nàng ngắm bóng mình trên giòng suối. Mặt nước hắt lại hình ảnh một cô thiếu nữ diễm kiều. Tóc huyền, mắt xanh, má hồng tươi như da đào. Người đó là nàng. Nàng quờ chân cho nước suối xao động, cho bóng mình tan vỡ đi rồi, khi nước lắng, hiện ra rõ ràng hình ảnh người con gái dậy thì, xinh đẹp như đã đẹp từ bao giờ.



Ngày tháng qua.

Những mùa xuân gọi nhau trôi qua.

Cuộc đời hai người đàn bà vẫn êm ả và bình thản như mùa xuân đầu tiên họ vào rừng. Tuy nhiên, cuộc sống không chỉ có nghĩa là bình thản và êm ả. Họ bắt đầu giao động. Có con gái càng ngày càng hay ra ngắm bóng mình bên bờ suối. Giòng cuối năm trước in hình ảnh một cô gái khác và bây giờ, một cô gái khác. Cô gái này vai tròn thêm lên, ngực căng thêm ra, mắt càng xanh, môi càng tươi và nếu giòng suối có soi được lòng nàng thì tấm lòng đó hẳn phải là một ngọn hỏa diễm sөн đang lên cơn rạo rức. Vâng, nàng đang độ xuân thì. Lối sau này giấc ngủ không đến với nàng dễ dàng như mấy độ trước. Những đêm không ngủ đó, lắng nghe tiếng động rừng già và tiếng bà lão húng hắng ho, nàng thường khe khẽ thở dài.

Về phía bà lão, bà cũng bắt đầu thở dài khi đọc được những ý nghĩ thầm kín của con mình. Họ đều cùng một tâm sự. Họ tha thiết nhớ người, nhớ cuộc đời, tha thiết như người đàn bà bị người tình phụ bạc, càng bị rẻ rúng, phũ phàng đến đâu lại càng lặn sả vào đề mà chung tình. Họ không trốn cuộc đời được đâu rằng đời đen bạc, xấu xa đến bậc nào. Kéo dài những ngày tháng tuy êm đềm, ít sóng gió nhưng đã quen thuộc đến nhàm chán, cô độc đến khắc khổ họ thấy quả là mình đang tự đầu độc đời mình. Họ nhớ người. Họ thêm nghe giọng nói, tiếng cười nào khác hơn tiếng thở dài của người con gái và tiếng húng hắng ho của bà lão già sần lên giữa cái im vắng, tịch mịch của đêm rừng. Họ khao khát được nghe những lời nói nào khác, dù là lời cay độc đi nữa, trong hoàn cảnh này, vẫn là cái cơ để cho họ ấm lòng. Ngày ngày, họ thường mơ rằng sau ngọn đồi kia, bên bờ suối kia, một sáng một chiều nào đó, sẽ hiện lên bóng một người, rồi nhiều người. Nhưng, mấy mùa xuân qua, ngọn đồi vẫn là một tấm bia bất động cắt nét trên nền trời và bờ suối vẫn là bờ suối, tuyệt nhiên không có thêm một hình ảnh nào khác, hình ảnh mà họ mong ước. Họ càng thêm nghe tiếng pháo nổ giao thừa, tiếng chuông đồ hồi lạnh lạnh từ một nóc giáo đường hoặc tiếng trống thu không văng lại từ một ngôi chùa cô tịch. Tiếng hát của trẻ thơ, tiếng hò gặt lúa, tiếng dân làng chào xáo trong những phiên chợ mền quê, tiếng thủ thỉ tâm tình Tất cả, những tấm lòng, những mối tình, những hình ảnh của tập thể của quê hương, những vị đời vừa ngọt ngào vừa chua chát. Họ bỗng thấy rằng, họ đã bỏ trôi đi mấy năm trời phi phạm. Đời vẫn chưa đáng để cho mình chạy trốn. Ít nhất thì vẫn còn những con người, còn muốn mình là người và giữa vạn lời cay độc vẫn còn được đời tiếng mến thương.

* ..

Mùa xuân năm sau, hai mẹ con bà lão xuôi về trung du. Họ trở lại với cuộc đời. Người con gái trong giờ phút này, bỗng đẹp lên một vẻ đẹp lạ thường. Nàng quay lại nhìn một lần chót bờ suối, mái tranh, vòng cà, luống đỗ như thăm nhủ :

— Các người ở lại, ta về nhé ! Ta về với mùa xuân !

Họ lại dọc theo con đường bốn năm trước đã đi. Họ đi về ánh sáng, trong lòng đầy tin tưởng. Xa bao nhiêu năm rồi, làng mạc, phố phường, giờ đây chắc hẳn là sẽ vui vẻ, tưng bừng. Họ sẽ cầm tay bà con, xóm giềng mà nghẹn ngào, mừng mừng, tủi tủi. Cuộc đời sẽ không lặng lẽ, cô độc như mấy năm ở rừng.

Trên đường về, cô con gái vừa đi vừa hát khe khẽ câu hát mà bốn năm nay, nàng không hề hát bao giờ :

*Hôm qua tát nước đầu đình
Đề quên cái áo trên cành hoa sen.....*

Nghe con hát, bà lão mỉm cười, lòng nở ra. Bà linh đốt ngón tay : năm nay là năm 55, con bé đã hai mươi hai tuổi, tuổi này lấy chồng là vừa phải lắm.

Bỗng một tiếng hét rợn người làm hai mẹ con giật mình đứng dừng cả lại. Từ trong một chòi canh ở bên đường, nhô ra hai người đàn ông đen đũi, cầm mã tấu, đội mũ bọc vải nylon ; lựu đạn đeo bên sườn. Hai tên ấy quát lớn, tiếng quát lạnh mình :

— Hai người đi đâu ! Đưa xem giấy thông hành !

Bên cạnh đó, sau hàng rào giây thép gai, người con gái thấy hai chiếc cột lớn. Hai chiếc cột nâng một tấm bảng. Tấm bảng mang bốn chữ : Trại Lý-Bá-Sơ.

TÔ-KIỀU-NGÂN

TỰ DO

*Ta là người ta vẫn tự do
Người con gái ta yêu vẫn là Hoàng Hậu
Giao cửa cổ vẫn mở đường cho máu chảy*

*Ta là người ta vẫn tự do
Sáng ngày mai vẫn là trời sáng
Bàn tay nắm bàn tay là bàn tay nắm chặt
Ngọn cờ chỉ buộc vẫn ngọn cờ bay*

*Ta là người ta vẫn là ta
Ta là người ta vẫn tự do*

Ta đã tan trong nụ cười huynh đệ

NGUYỄN SA

ĐI TÌM DÂN TỘC TÍNH TRONG NHỮNG CHUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

DOÃN QUỐC SỸ

XÉT QUA VỀ ĐẶC TÍNH NỘI DUNG CHUYỆN CỔ TÍCH.— Cũng như ca dao tục ngữ, chuyện cổ của nước ta là một thành phần của văn chương bình dân nghĩa là một trong những hình thức văn nghệ có sớm nhất. Trước khi tìm dân tộc tính trong những chuyện cổ chúng ta hãy xét qua đặc tính về nội dung chuyện cổ tích.

Thường thì nội dung của chuyện cổ tích nói chung là kể lại một sự việc với tính cách thần kỳ của nó. Có thể là một sự kỳ lạ dị dóm như chuyện chum vàng bất được. Có thể là sự kỳ lạ chất phác mà thâm trầm, có mang tính cách xã hội, khiến ta phải mỉm cười giữa hai hàng lệ như chuyện cô bé bán diêm của Andersen. Cũng có thể là sự kỳ lạ trong sáng đầy, ngậm ngùi đầy, chất phác đầy, thơ mộng đầy như chuyện Mỵ Châu Trọng Thủy. Cũng có thể là sự kỳ lạ, quái đản trong các chuyện ma quỷ của ta và trong « Những chuyện lạ lùng » (Histoires extraordinaires) của Edgar Poe. Cũng có thể là một sự lạ bề ngoài quái đản nhưng ẩn ý một hiện tượng tự nhiên (như chuyện Sơn tinh Thủy tinh, cho ta thấy sự thắng lợi của dân ta về nông nghiệp đắp đê khơi ngòi chống được nước lũ) hoặc ẩn một quan niệm về luân lý (như chuyện ăn quả giả vàng đề răn tính gian tham, chuyện ba anh em họ Điền đề đề cao tình anh em hòa thuận) hoặc những chuyện kỳ dị của Hoffman, chuyện gây thần sách ước của ta có ẩn một quan niệm triết lý.

Rất nhiều khi một câu chuyện gồm đủ hoặc gần đủ những tính chất kỳ lạ kể trên. Có điều ta có thể tóm tắt : chuyện cổ tích thường bao giờ cũng khoắc một hình thức thần kỳ đặc biệt của nó.

Gần đây có một dịch giả dịch chữ Contes d'Andersen là đồng thoại của Andersen. Đồng thoại ý hẳn muốn nói những chuyện cho nhi đồng xem. Chắc không phải là dịch giả muốn nói chỉ dành riêng cho trẻ em đọc mà chỉ có ý nói khi đọc những chuyện đó chúng ta hãy giữ cho lòng như trẻ thơ ? Đừng đem ngọn đuốc duy lý của một người đã thành niên mà soi vào những sự việc như ẩn như hiện trong mơ của chuyện cổ.

Tuy nhiên sau khi đã nghe kể rứt câu chuyện ta có thể dùng trí xét

đoán để tìm hiểu tác dụng của truyện cổ tích. (Tôi muốn nói tác dụng đây là truyện cổ đã giúp ta tìm hiểu được những gì về con người).

Tác dụng truyện cổ tích thật là mệnh mông. Nhờ truyện cổ tích mà ta hiểu được phong tục, lịch sử, xã hội, tâm lý, luân lý, triết lý, tôn giáo nghệ thuật v. v . . . của một dân tộc. Ta có thể nói : đọc chính sử có khi không thật bằng đọc truyện cổ tích. Chính sử chỉ ghi chép một khía cạnh bộc lộ nào của cuộc sống trong một thời gian nào. Có khi mỗi chính thể, mỗi triều đại lên, lại chép sử theo một quan điểm riêng. Xưa tại nước ta khi vua GIA-LONG thống nhất được sơn hà về tay mình thì lập tức cho viết lại sử nhà TÂY-SƠN. Đến như gần đây tại Nga xô, họ đã viết lại sử có tới sáu bảy lần rồi. Nhưng trong truyện cổ, ngoài giá trị thực về luân lý, xã hội, phong tục. . . còn nói lên được lối sống tinh cảm, những ước vọng muôn đời của con người bởi truyện cổ, biểu hiện văn chương của ấu thời nhân loại vẫn có căn cứ vào thực tế xã hội và những thần tiên ma quỷ vẫn được tạo theo hình ảnh của người. Người dân thời đó ai nấy thích nghe truyện cổ không những vì xu hướng siêu thoát mà cũng chính vì họ soi thấy trong đó phản ảnh của đời họ. (Điều này chứng minh tại sao truyện cổ của ta không có một bản văn nhất định mà tinh tiết vẫn y nguyên qua đời này sang đời khác). Sự thần kỳ chỉ là một cơ đề diễn sự thật xã hội và lòng người. Sự trộn lẫn mơ mộng với thực tế, quái đản với tả chân một cách điều hòa nhịp nhàng chính là tất cả nghệ thuật của truyện cổ. Chính phần giá trị nghệ thuật đó đã giúp một phần lớn vào việc duy trì truyện cổ qua thời gian qua không gian, bởi ngoài giá trị tài liệu chứng ngôn (lịch sử, xã hội, tâm lý...) vẫn phải có giá trị nghệ phẩm nghĩa là phải thỏa mãn được mỹ cảm và hấp dẫn được người nghe.

DÂN TỘC TÍNH TRONG CỔ TÍCH VIỆT NAM

Gần đây có nhiều nhà học giả nghiên cứu thấy rằng nhiều câu tục ngữ của nhiều dân tộc khác nhau cũng nói chung một ý. Lại đến cách bố cục kết câu truyện cổ thường cũng giống nhau về tinh tiết như thế. Điều đó phải chăng chứng tỏ khi con người còn cùng một tình trạng sinh hoạt sơ khai thường cùng một ước vọng về tâm lý ? Ví dụ truyện Tấm Cám của ta cũng như truyện Cendrillon của Pháp với hơn 170 câu truyện khác ở khắp Âu Á mà cốt truyện cũng tương tự quanh sự tranh chấp giữa thiện và ác như vậy. Cái ước vọng san bằng giai cấp thực hiện tự do dân chủ trong truyện Chữ Đồng Tử của ta là cái ước vọng diễn đạt trong bao truyện tây phương anh chàng cừu lấy được công chúa và vị hoàng tử lấy cô gái chăn chiên. Nhưng trong cái đại đồng có cái tiểu dị, và chính cái tiểu dị đó làm nổi sắc thái của cá tính dân tộc. Chúng ta hãy làm thử cái việc đối chiếu một vài truyện cổ ngoại quốc với những truyện cổ Việt-nam thử xem cá tính dân tộc ta ở những điểm nào.

Thần thoại Hy-Lạp La-Mã có kể sự tích nàng Ariane và chàng Thésée như sau.

« Minos là vua đảo Crète có xây một mê cung (Labyrinthe) Người thường đi vào đó như đi vào bát quái trận đồ không sao tìm được lối ra. Mê cung được canh giữ bởi con vật, chuyên ăn thịt người, nửa trên là người nửa dưới là bò rừng, tên là Minotaure. Thésée một vị anh hùng Hy-Lạp và là vua thành Athènes, đã từng lạc vào Mê cung của Minos, nhưng may được con gái của Minos là nàng Ariane có lòng yêu trao cho sợi chỉ khiến chàng Thésée nhờ vậy mà tìm được lối thoát ra khỏi Mê cung sau khi đã chiến đấu cùng con Minotaure và hạ thủ được nó. Thương thay nàng công chúa Ariane sau này bị con người bạc tình Thésée bỏ rơi ở đảo Naxos. Tại đó nàng chết vì sầu muộn điên cuồng.»

Tương tự truyện đó, bên ta có sự tích My châu Trọng Thủy. Vua An - dương - Vương của ta cũng xây Loa thành và có nỏ thần để giữ gìn xã tắc, như vua Minos có Mê cung và quái vật Minotaure. Khi bị mất cắp nỏ thần vua và công chúa thất thế phải chạy thì My Châu lại rắc lông ngỗng đánh dấu đường cho Trọng Thủy biết lối tìm theo. My Châu cuối cùng cũng bị chết bên bờ biển như nàng Ariane. Nhưng cái đẹp của truyện My Châu Trọng Thủy, mà cũng là cái đẹp của dân tộc Việt nam là ở mối tình chung thủy của cả đôi bên: Trọng thủy chôn xác vợ rồi tự tử ở giếng Loa thành. Câu truyện càng điêm lệ ở chỗ những con trai ở biển Nam Hải ăn phải máu nàng My Châu mà có ngọc. Ngọc đó mang về rửa ở nước giếng Loa Thành thì sáng đẹp lên vô ngần.

Chỉ riêng phần tích truyện My - Châu Trọng - Thủy ta đã có thể thấy mấy đặc tính sau này của dân tộc:

a.— *Một tâm hồn vô cùng quảng đại bao dung biết vươn tới mức hoà đồng.*— Dân tộc Việt có thừa tinh thần chống đối nhưng bao giờ cũng hết sức tìm cách giải quyết mâu thuẫn bằng hoà đồng, có thủy có chung. Những yếu tố mâu thuẫn, chống đối nhau ở đây không có yếu tố nào hằn học tìm cách nắm lấy phần ưu thắng tuyệt đối để tận diệt đối phương. Các yếu tố thường đi đến chỗ cùng tự hy sinh để vươn lên mức hoà đồng trường cửu cao đẹp, toàn vẹn. My Châu chết mà Trọng Thủy cũng chết và sự hoà đồng thể hiện ở chỗ hạt châu Nam Hải đem rửa vào nước giếng Cổ Loa. Trong truyện Trương Chi, chàng Trương chết nhưng « khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan » phải đợi đến khi đem khối đá màu trong lò dờ (sự kết tinh của trái tim chàng) tiện gọt thành một chén trà đẹp để mỗi lần rót một chút trà vào thì hình chàng đánh cá hiện lên My nương nhận ra chàng, nhớ lại rồi khóc. Sự hoà đồng đã thể hiện ở chỗ: Một giọt nước mắt rơi xuống chén tức thì cái chén tan ra thành nước.

Truyện Trầu Cau kể xưa có hai anh em họ Cao giống nhau như đúc cũng đẹp như nhau và thân yêu nhau đến không chịu rời nhau bao giờ. Người anh tên là Tân đã có vợ là nàng Lư-xuân-Phù. Còn em là Lang tuy đã lớn nhưng chưa muốn lập gia đình để khỏi phải rời xa anh chị. Một hôm hai anh em đi săn, Lang mệt về nhà trước. Nàng Xuân-Phù tưởng lầm là chồng chạy ra âu yếm chào hỏi. Người em then quá bỏ nhà ra đi, đi mãi cho tới một bờ sông lớn không sao vượt qua được phải nằm soài ra đó, mệt mỏi và đói lả mà chết hóa thành hòn đá thật to.

Tân biết chuyện đuổi theo tìm em cho trọn tình ruột thịt, thì cũng đến nơi đó rồi chết lả hóa thành cây cau cao vút.

Nàng Lư-xuân-Phù ở nhà mong mỏi trông chồng chờ em mỗi ngày một biệt cũng bỏ đi tìm chồng, rồi cũng đến nơi đó thì chết lả để biến thành cây trầu quấn quanh cây cau. Mọi yếu tố màu thuở đều đi đến chỗ hy sinh để siêu đến chỗ hòa đồng: Tình vợ chồng hòa đồng ở hình ảnh cây trầu quấn quanh cây cau, tình anh em, tình vợ chồng, tình chị dâu em chồng hòa đồng ở chỗ nung đá thành vôi quết vào trầu nhai với cau để kết lại thành màu đỏ thắm.

Có lẽ chúng ta quen với truyện cổ của chúng ta nhiều quá, chúng ta bắt đầu nghe những truyện đó từ ngày còn đề *chỏm*, ngồi trong lòng bà, nên ít chú ý đến cái đẹp của nó để mà tự phụ hiên ngang với dĩ vãng, chứ người ngoại quốc đọc đến những truyện đó ai cũng phải *lấm tắc khen ngợi*. Đó là những viên ngọc quý xếp ngang hàng với những viên ngọc quý nhất trong kho tàng văn hóa nhân loại.

b.— *Một dân tộc có một tri tưởng tượng vô cùng phong phú.*— Cũng những truyện trên đã chứng tỏ dân tộc ta có một tri tưởng tượng phong phú biết là chừng nào. Nếu hiểu *lãng mạn* theo nghĩa cao đẹp của nó thì lãng mạn vào bậc nhất thế giới phải kể đến dân tộc ta. Lãng mạn là con đẻ của tưởng tượng phong phú. Còn gì lãng mạn bằng *giọt nước mắt* của My nương rỏ vào chén ngọc làm chén ngọc tan ra. Còn gì lãng mạn bằng cái chết của hai anh em Tân Lang và nàng Lư-xuân-Phù, rồi hóa thành cây trầu quấn lấy thân cau, bên dưới có hòn đá, để sau này kết thành màu thắm trong miếng trầu. Còn lãng mạn nào đẹp bằng cái chết thủy chung của My Châu Trọng Thủy rồi đưa đến hình ảnh hạt trai Nam Hải rả vào nước giếng Cồ Loa....

c.— *Một quan niệm siêu việt về tình yêu.*— Cũng vẫn ba truyện trên (My-Châu Trọng-Thủy, Trương Chi, Trầu Cau) còn cho ta thấy một quan niệm siêu đẳng về tình yêu. Với người Việt tình yêu luôn luôn vượt khỏi cái chết để chờ phút hòa đồng (truyện Trương-Chi) hoặc để tiếp tục thể hiện ở một hình thức vĩnh cửu khác (My-Châu Trọng-Thủy, Trầu Cau). Tri tưởng tượng ta phong phú, tình cảm ta rồi rào nên mới

vươn tới tình bạn cao quý như truyện Lưu Bình Dương Lễ, tình ruột thịt vô cùng cảm động như truyện ba anh em họ Điền. (Truyện này tuy nguồn gốc ở « Kim cô kỷ quan » nhưng vì quá hợp với tâm tình người Việt, nên qua lời Việt ngày nay câu chuyện đã Việt hóa hoàn toàn đi rồi.) Câu truyện tuy tình tiết thật đơn sơ mà sao có sức gợi cảm mãnh liệt đến thế ? Ba anh em dương thân yêu nhau như tay chân vì vợ người út buồn xin nên ép chồng đòi chia của bằng được để ra ở riêng. Người anh cả đem của cải của ông cha chia làm ba phần đều nhau, chỉ còn một cây cổ thụ xanh tươi định đến hôm sau sẽ chia nốt. Hôm sau ba anh em ra tới nơi thấy cây đã chết khô. Người anh ôm cây khóc nức nở khiến người em thứ hai buồn rầu nhìn anh Cả an ủi : « Một cây cổ thụ héo chết vật thử là gì mà anh phải tiếc ? »

Người anh nức nở mà rằng :

— « Đâu phải anh khóc cái cây chết khô. Anh khóc là cảm nghĩ loài thảo mà cũng sợ cảnh chia ly. Hôm qua đây cây còn xanh tươi chỉ vì nghe anh em mình định chặt xuống chia nhau mà cây xanh cũng phải khô héo.

Hai vợ chồng người em thứ ba òa khóc xin hai anh tha lỗi và từ đó lại ở chung với nhau thân yêu như chân tay.

Bài thơ lâm ly của cụ Nguyễn Khuyến khóc cụ Dương Khuê :

*Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.*

Chuyện không thực nhưng tình thực. Cũng như đây chuyện cây chết khô không thực nhưng tình anh em của người Việt thì đậm thắm hồn nhiên như thế thực,

Hình như Hoffman có viết một truyện “ Người mất bóng ” đại ý như sau :

Xưa tại ngoại thành Mạc-Tư-Khoa có một thiếu nữ tuyệt đẹp. Một chàng nông dân từ phương xa đến muốn được kết duyên cùng nàng. Nàng ra điều kiện phải cho nàng lấy bóng. Người nông dân bằng lòng, chàng ra đứng trước gương và thấy bóng mình trong gương tự nhiên mất đi. Ở với nàng được mấy năm chàng sinh lòng nhớ vợ nhớ con ở nhà, xin với nàng cho được về thăm nhà ít bữa rồi trở lại ngay. Nàng hết lời can ngăn mà không được. Tới nhà vợ con chàng vui vẻ đón mừng nhưng khi chàng đến đứng trước gương thì vợ chàng hết hoảng nhận ra chàng mất bóng và ngờ chàng là ma hiện về. Nghe theo lời vợ, chàng bán hết ruộng nương ra đi chuộc bóng, nhưng khi đến chốn cũ chỉ cảnh hoang phế không tìm thấy lâu đài cũ đâu nữa. Chàng phát điên đi la cà đây đó thỉnh thoảng lại thốt lên câu ai oán : “ Giả bóng ta đây, giả bóng ta đây ! ”

Trong câu chuyện của Hoffman trên chúng ta có thể tìm hiểu ngụ ý theo ba quan điểm :

1.— *Quan điểm về nghệ thuật.*— Chúng ta biết Hoffman thường vẫn hay ngụ ý đề cao nghệ thuật trong những truyện cổ của ông. Người đàn bà đẹp ở ngoại thành Mạc tư Khoa kia có thể là tượng trưng nàng Nghệ Thuật. Cái việc có người lặn lội từ phương xa đến tìm nàng cũng là một việc thường của thế nhân với tâm hồn hướng thượng lúc nào cũng muốn vươn mình tới cõi Đẹp. Nhưng có điều đặc biệt là muốn phụng sự nghệ thuật phải dốc tâm hồn mình vào. Nếu không đủ trí kiên nhẫn đức hy sinh mà “bán đồ nhi phế” thì khi trở lại với đời sống thường chẳng qua chỉ là phần xác mình trở về đó thôi, phần hồn, phần cao quý nhất của mình đã để lại ở thế giới cao đẹp kia mất rồi.

2.— *Quan điểm triết lý.*— Ta thấy trong truyện này như muốn chứng tỏ : nhiều khi cái ảo sắc định cái thực. Chồng bằng xương bằng thịt trở về người vợ thấy chưa đủ chỉ vì ở người chồng thiếu bóng. Rồi bán hết gia cơ điền sản cũng không từ chỉ cốt sao chuộc được cái bóng về cho con người toàn vẹn.

3.— *Quan điểm tâm tình nhân loại.*— Con người không thể rút được lòng trần nên dù sung sướng đến đâu cũng vẫn nhớ đến quê hương, vẫn nhớ đến vợ con ở nhà. (Cũng là điều Homere đã nói trong Odyssée. Ulysse khước từ mối tình của nàng Circé, khước từ trường sinh bất tử mà chỉ nghe theo tiếng gọi của quê hương.)

Hoffman hoàn toàn gặp chúng ta ở quan điểm thứ ba này. Chàng Từ Thức của chúng ta tuy sống sung sướng nơi động tiên vẫn buồn nhớ cố hương và tha thiết cõi tục.

Nói về điểm triết lý con người phải toàn vẹn, chúng ta có truyện tương tự như “Truyện người mất bóng”, bởi một lẽ rất dân dị là chúng ta chưa hề hề mất bóng bao giờ. Chúng ta bao giờ cũng sống toàn vẹn. Dân tộc ta vốn không bao giờ quá nệ hình thức. Chúng ta không phủ nhận vật chất, nhưng biết định đúng giá trị của vật chất và nhất là không bao giờ chịu hoàn toàn nô lệ vào vật chất. Chúng ta có nhận xã hội, có nhận thực tế nhưng luôn luôn tìm cách siêu lên thực tế để còn thỏa mãn cho đời sống tâm linh nữa. Khi giáo lý của ông Khổng đủ rồi ta đi vào thế giới siêu thoát của Lão Trang. Với chúng ta không có sự cách biệt lớn lao giữa các thế giới. Tiên giới, trần giới, cõi âm hầu như có sự giao tế hằng nhật không hề khiến ta phải ngỡ ngàng. Tây phương cũng có đi tìm đến những thế giới huyền bí nhưng với sự cố gắng rõ ràng.

Ở Hoffman chúng ta được chứng kiến cảnh kinh hoàng mất bóng. Ở truyện “người thiếu phụ Nam-Xương” của ta cũng có một cảnh kinh hoàng khi người cha thấy bóng của mình hiện lên tường và đưa con

khoanh tay lại chào cha. Lúc đó người cha mới lĩnh ngộ biết rằng mình đã nghi oan vợ hiền để đến nỗi nàng đành phải thác oan.

Nói về nghệ thuật tả sự đột ngột và nghệ thuật dựng nên những tình tiết ly kỳ thì hai truyện “Người mất bóng” “Thiếu phụ Nam-Xương” đều ngang nhau. Cái khác chính ở chỗ người mất bóng đau đớn và điên cuồng trong cô quạnh, người chồng nàng thiếu phụ Nam-Xương đau đớn mà vẫn tiếp tục gây dựng cho con. Người Đông phương nói chung và người Việt nói riêng bao giờ cũng có lối sống tập thể chứ không nặng sắc thái cá nhân như Tây phương.

Điều khác nữa là người mất bóng tha thiết đi tìm chuộc lại bóng mà không được. Còn người chồng kia đã để mất mối tình cao quý chung thủy của người vợ, vẫn có thể tạo huyền đề có một mối tình chung thủy khác mà không làm. Không làm vì thấy chính mình không xứng đáng với bất kỳ mối tình chung thủy nào của kẻ khác nữa. Thành thử cái chân lý của ta rõ ràng không có tình cách khách quan tuyệt đối mà là sự hòa hợp giữa chủ quan và khách quan.

Nếu trong khoa hùng hồn có cái im lặng mà ta gọi là im lặng hùng hồn, nếu trong âm nhạc có cái im lặng thật hàm xúc:

Nước suối lạnh giầy mảnh ngừng dứt,
Ngừng dứt nên phút bật tiếng tơ.
Âm thầm, đau giận, ngần ngại,
Tiếng tơ lặng ngắt bấy giờ càng hay.

(Tý bà hành)

Hàm xúc đến như khi tiếng tơ vừa dứt, cảnh vật càng nặng u hoài:

Thuyền mấy lá dòng tây lặng ngắt,
Một vùng trắng trong vắt lòng sông.

thì ở đây chúng ta cũng đã chứng kiến một sự *cách biệt mà hòa đồng*. Người thiếu phụ Nam-Xương đã gieo mình xuống dòng sông để bày tỏ lòng son sắt của mình. Người chồng ở vậy gà sống nuôi con để tạ lòng người oan thán. Đôi vợ chồng đáng thương đó đã hòa đồng trong nỗi hờn trong thốn thức, hòa đồng chân thật và cảm động hơn bao giờ hết mặc dầu kẻ còn người khuất.

Truyện «Em bé bán diêm» của Andersen kể lại cái chết đáng thương của em bé nghèo giữa đêm Noel trong khi những gia đình khác đang hội họp ăn uống trong những căn phòng ấm cúng. Không một lời khoa trương không một câu sáo trống rỗng, câu truyện kể thật giản dị, thật nhẹ nhàng mà sao thấy thấm thía, thấy hờn giận xã hội bất công. Giời lạnh buốt, xe ngựa phóng như bay làm băng mất đôi giày quá rộng và đã cũ của mẹ em để lại, khiến em đành phải dẫm chân không trên tuyết. Thiên nhiên đã không ủng hộ, xã hội lại đàn áp.

Em lạnh quá nhưng không dám về sợ cha đánh, vì từ sáng đến giờ

Em chưa bán được bao diêm nào mà cũng chẳng ai cho em một xu nhỏ. Đêm Noel ánh đèn ấm áp cùng với mùi ngỗng quay ở các nhà tỏa ra. Em ngồi co quắp trong một xó tường. Em bật que riềm và khum tay lại. Dưới trời lạnh và tuyết rơi lả tả thì một que riềm sưởi ấm và cứu sống sao được một kiếp người. Khi Adam và Eve ăn «trái hiệu biết» thì mất cái trong trắng nguyên thủy của tâm hồn. Ở đây em bé còn nguyên vẹn lòng thơ ngây trong trắng đó. Đói lạnh, nghèo khổ không huỷ hoại được lòng tin tưởng hồn nhiên của em. Nhìn ngôi sao lạc em còn nghĩ : chắc có ai đương chết. Em không ngờ ai đó chính là em.

Que riềm thứ nhất em bật lên để sưởi ấm em thấy hoa lên trước mắt nào lò sưởi nào cây Noel. Que riềm thứ hai cho em thấy Bà : Em sợ riềm tắt thì hình ảnh bà thân yêu cũng mất nên em châm vội lửa vào cả bao riềm. Ánh sáng bùng lên đẹp vô ngần và em chưa bao giờ thấy bà em đẹp bằng lúc đó. Em thấy bà em cúi xuống bế em lên, rồi hai bà cháu bay lên cao, lên cao mãi, lên nơi có Thượng Đế, nơi không có đói không có rét.

Sớm hôm sau mọi người thấy em bé chết dựa lưng vào tường, đôi má xanh nhợt nhưng miệng xinh phẳng phất giữ một nụ cười và mặt trời với ánh nắng đầu xuân như vừa mọc lên từ thi thể em bé.

Lời văn, ý văn dẫn dụ mà cảm động làm sao ! Đọc xong ta thấy thương, không phải chỉ riêng em bé, mà là cả nhân loại nghèo.

Truyện của ta kể về những cảnh nghèo khổ đó không hiếm, nhưng quả là không có cái chết bi thảm và bất công như em bé bán riềm. Chúng ta bao giờ cũng tin ở lẽ chí công bằng cứu. Tắm qua bao gian truân khổ ải kết cục là hoàng hậu. Thạch Sanh qua bao gian nguy kết cục lấy công chúa. Mặc dầu chàng không trả thù Lý-Thông nhưng kẻ gian ác này, cũng như tất cả những kẻ gian ác trong truyện cổ của ta, đều bị giới trừng trị. Vả lại một dân tộc như một dân tộc ta kể từ khi lập quốc luôn luôn phải sát cánh thành một đoàn quân ruột thịt để chống đối với một kẻ thù khổng lồ phương Bắc, một dân tộc biết yêu thương nhau đến nỗi hát lên thành ca dao :

Khôn ngoan đá đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
Nhiều điều phũ phàng giả gương
Người trong một nước thì thương nhau cùng.

Một dân tộc mà thái độ xử thế bao dung đến nỗi diễn đạt thành một phương trình toán học siêu hình: «Chín bỏ làm mười» thì hỏi làm sao mà có thể có sự bất công đến nỗi để một em bé ngây thơ vô tội chết đói chết rét giữa cái no ấm của xã hội ? Chúng ta há chẳng có câu: «Chết một đồng còn hơn sống một thằng» ?

Trên đây tôi vừa kể những diêm người có mà ta không có, giờ đây

tôi lại xin nói đến những cái chúng ta có mà người thì không có hoặc có rất ít. Đó là những truyền cớ với một tinh thần quốc gia mãnh liệt. Tây phương cũng có những truyền tượng tự như truyện J. D'Arc, Guillaume Tell nhưng số lượng không đáng là bao. Vì ham tự do dân chủ mà dân tộc Việt không bao giờ chịu khuất phục nền thống trị ngoại lai. Cha ông ta bại trận vì dân số ít, đất đai nhỏ, chứ không thua vì kém tài, kém anh hùng. Đứng trước một kẻ thù mạnh gấp trăm lần hơn tiền nhân ta cần giáo dục con cháu cho có một tinh thần quốc gia mãnh liệt. Nền tảng tinh thần đó được gieo vào lòng ta từ thời niên thiếu với cái tin tưởng: Nước Việt tồn tại là do ý trời do mệnh trời. . và ai xâm phạm đến chủ quyền của dân tộc ta đều là quân nghịch tặc làm sai mệnh trời. Cha ông ta không ngớt ca tụng nguyên lai thần tiên của dân tộc hoặc ca tụng những bậc anh hùng cứu quốc như bậc thần thánh.

Truyện Phù - Đồng thiên - vương chứng tỏ sự trưởng thành bột phát của dân tộc Việt khi cần phải dẹp quân xâm lăng. Các truyện bà Trưng, bà Triệu, truyện Trần Bình Trọng đều được cớ tích hoá để ca tụng gương hy sinh của các vị anh hùng dân tộc.

Để kết luận bài này tôi chỉ biết nói lớn: *«Hãy trở về với nguồn dân tộc!»*

Hấp thụ cái hay của người trong khi chính mình không còn giữ được cái gì là căn bản của mình ấy là mình bị mất gốc, ấy là mình bị đồng hoá, ấy là mình nô lệ cho người.

Hấp thụ được cái hay của người mà vẫn giữ được cá tính của mình khả dĩ mới đứng ngang hàng với người.

Đến như dùng cá tính dân tộc mình làm chiếc dũa thần để đồng hoá mọi cái hay cái đẹp ngoại lai, ấy mới có thể làm người thân phục ta được.

Cách hấp thụ thứ ba này chính là cách hấp thụ cổ truyền của dân tộc ta vậy. Xưa kia chúng ta vẫn hấp thụ tư tưởng Khổng Phật Lão nhưng cũng đồng thời chính là Việt hoá ngay những tư tưởng đó. Ngày nay chúng ta còn đương tiếp tục đồng hoá thêm một yếu tố văn hoá mới: ấy là tinh thần dung lý Tây Phương.

Cách hấp thụ khôn ngoan ấy đã luyện cho dân tộc ta một quan niệm nhận thức rất mực uyển chuyển, linh động và tế nhị, nhiệm tính chất toàn diện do đó mà tránh được nỗi thái độ sơ bỏ, nguy biến và nhất là xa lánh thái độ biệt phái chấp nê xưa nay thường thúc đẩy loài người chém giết nhau vì những lý lẽ — được coi là lý tưởng — nhiệm đậm màu sắc tương đối lệch lạc.

Hãy trở về với nguồn dân tộc, với lòng hiếu hạnh vô bờ, tình anh em thâm thiết, tình bạn cao quý, tình dân tộc mãnh liệt, thì trong cơn phong ba của đời có như phong ba của đại dương kia, sóng nhỏ lên thành núi, nhào xuống thành vực, chúng ta có nhỏ như cái chai nhưng cái chai được giữ gìn cho kín đáo nên mặc cho phong ba gầm thét uy hiếp, cái chai đó vẫn nổi mà không chìm.

Hãy trở về với nguồn dân tộc. .

ĐỌC LA CHUTE CỦA A. CAMUS

MẶC ĐỒ

*Chaque homme témoigne du crime
de tous les autres, voilà ma foi et
mon espérance.*

A. Camus.

Đến *La Chute* (1) mới xuất bản, tác giả Pháp có nhiều ảnh hưởng trong giới thanh niên tri thức thế giới — Albert Camus — đã viết tới cuốn chuyện (récit) thứ ba. Đến cuốn này, người đọc lại tìm thấy, nhưng sâu sắc hơn, thấm thía hơn, chua cay hơn, cái triết lý u ám của sự phi lý (l'absurde) của cuốn truyện đầu. Trong *KỂ ĐÚNG NGOÀI LỀ* (*L'Etranger*) ta đã gặp một con người trơ trọi, khác biệt, xa lạ với xã hội chung quanh và với chính mình, giữa một thế giới phi lý. Sang đến *La Peste*, Camus đỡ bi quan hơn, cuộc đời còn có thể có nghĩa đối với một viên y sỹ, không vương bận những thắc mắc siêu hình, sả thân vì đồng loại trong cơn cơn cực bệnh tật. Với *La Chute* Camus lại bước ra khỏi sự thừa nhận cuộc đời và trở về với nhận thức cay đắng của số phận con người.

Có lẽ ta không cần phải đặt câu hỏi trước thái độ của Camus nếu đã đọc lời tự sự: *Với những người cùng lứa, tôi đã lớn lên giữa những hồi trống giục của trận chiến tranh thứ nhất, và từ đó, lịch sử chỉ toàn những chém giết, ức hiếp và bạo hành* (2). Trưởng thành giữa một khí hậu như vậy và kinh nghiệm sống đau buốt ngay vào da vào thịt: *Quả thật, tôi không học được tự do trong sách vở của Marx: tôi đã tìm thấy tự do trong sự nghèo nàn, cơ cực* (3), mỗi khi Camus

1.— Gallimard, Paris, 1956. Có bán ở A. Portail, Saigon, 68\$.

2.— J'ai grandi avec tous les hommes de mon âge, aux tambours de la première guerre, et notre histoire, depuis, n'a pas cessé d'être meurtre, injustice ou violence.

3.— Je n'ai pas appris la liberté dans Marx, il est vrai: je l'ai apprise dans la misère.

cầm lấy bút là một lần nói lên sự bực dọc, chống đối của cả một thế hệ, đề từ chối hiện tại, khẳng khái không chịu nhận số phận hiện tại của con người.

Theo Camus, Thiên-Đường chỉ có thể có với những người cam phận. Sự sa ngã (chute) chính là kết quả của trí thức (connaissance) của suy tư (réflexion) và do bản tính kiêu hãnh của con người không cam phận. Trong khi những người cam phận vui sống ở Thiên-Đường với các thứ Thánh-Thần những người không cam phận đã sa ngã và khắc khoải sống giữa những người tội lỗi. Mô tả cuộc sống giữa những người sa ngã, đó là đề tài của thiên truyện *La Chute*.

Jean-Baptiste Clamence, một người Pháp lưu lạc trôi dạt đến một quán rượu ám muội trên bến Amsterdam (Hòa-Lan) gặp một người đồng hương và kể lể với người này những tâm sự của mình. Từ đầu tới cuối truyện toàn là lời độc thoại của vai chính. Cuộc đời của hắn, những tình tiết trong truyện, khá bình thản : Hắn trước làm luật sư ở Ba-Lê, có tiếng tăm, giàu có, hào phóng, được xã hội nuông chiều và phụ nữ o bế. Nói tóm lại, một người thành đạt. Nhưng hắn đã tự ý từ bỏ hết để trôi dạt đến quán rượu này, tự đẩy dọa để có dịp công khai thú tội giữa mọi người, tự buộc tội mình và nhân đó buộc người nghe cũng tự thú và tự lên án. Cả một xã hội sa ngã phanh phui hết những nếp sâu kín trong mỗi tâm tư.

Tại sao J.-B. Clamence, con người trong trắng đạo đức, lại sử dụng như vậy ? Chỉ vì có một lần hắn chợt thấy rõ rằng hắn là sự giả trá hiện hình. Hắn chợt nhận thấy rằng cái nghề cao quý của hắn, con người phúc đức của hắn chỉ là cái bề ngoài giả tạo : hắn còn biết tức giận, biết dối trá, biết hèn hạ vì hắn đã yêu hắn trên tất cả mọi người khác. Nhưng hắn cũng nhìn nhận rằng tội lỗi đó vốn bẩm sinh (4). Nhân chi sơ, tính bản thiện vậy. Tuy nhiên, con người đã ý thức không thể bằng lòng trốn tránh bên sau tấm bình phong vô tâm đó, không thể yên tâm thụ hưởng sự ấm cúng tình thần. Vô tội, nhưng hắn phải móc ra tội lỗi, luôn luôn ăn năn rằng không mang đủ tội để mà chuộc. Hắn vừa là quan tòa vừa là kẻ sám hối tội lỗi (juge-pénitent). Hắn tự cho nhiệm vụ gây trong mọi người, và chính hắn tất nhiên, một trạng thái thao thức (sentiment de malconfort) luôn luôn bị vô xé vì

4.— L'idée la plus naturelle à l'homme, celle qui lui vient naïvement, comme du fond de sa nature, est l'idée de son innocence.

mặc cảm của kẻ phạm tội vô tội (coupable-innocent). Thái độ có thể xui ta nghĩ tới hình ảnh một đấng Cứu Thế hăng hái lo việc cứu chuộc, có điều đặc biệt là đấng Cứu Thế này cũng phải lo cứu chuộc cả cho bản thân nữa. Cứu chuộc trong sự đầy dọa thao thức, cố nuôi nấng một tình trạng tinh thần bất an để có đủ tỉnh táo ngộ hầu tìm ra chân lý.

Có người đã chê trách Camus không những đã bôi quá đen truyện đến độ như giả tạo (khó lòng chống chãi bấy nhiêu tội lỗi trên lưng tâm một con người) còn không mở một lối thoát (chẳng hạn như thánh sùng). Đòi hỏi như vậy tức là muốn bắt Camus phủ nhận trọn vẹn thái độ cương quyết tuyệt đối cố hữu của ông, cương quyết giữ lòng ngay thật, phủ nhận những sự ần nấp dễ dàng, những khúc rẽ thuận tiện. Có thể rằng Camus nhìn thấy rõ nghiệt chương của nhân loại và tin không cách gì cứu gỡ, nhưng cũng đành tạm ngưng ở chỗ bế tắc còn hơn giải quyết một cách dễ dàng. Một phê bình gia đã ví Camus như một người bị lột da và canh cánh một mũi tên cắm bên lưng, thao thức đi tìm lẽ sống: Một con người như vậy ít nhất cũng có được sự chân thành. Mà trong nghệ thuật ta còn mong đợi chi hơn một thái độ chân thành.

Về mặt kỹ thuật, câu văn của Camus lần này còn đậm đà sắc bén hơn những lần trước. Không một trang nào không nhặt ra được đôi ba câu ngắn ngủi mà cò đọng, hàm chứa tình ý. Đọc *La Chute* những ai chỉ muốn tìm xem câu chuyện tất sẽ thất vọng. Nhưng đọc xong một lượt đầu, cắt cuốn sách ở đầu giường và thỉnh thoảng mở vài trang, cái thú sẽ vô song vì hứa hẹn nhiều khám phá.

Trong Camus có con người hành động và con người suy tư, hơn nữa, có cả con người sáng tạo. Sáng tạo đối với Camus cũng là một thái độ bất phục (révolte), nhưng phong nhiều và phóng khoáng, vì sáng tạo là *nguồn sinh lực thuần khiết nó giữ cho ta đứng thẳng giữa trào lưu nhất trí và cuồng bạo của lịch sử* (5). *La Chute* là một tác phẩm sáng tạo của Camus vậy.

MẶC ĐỒ

5. — ... source de vraie vie et qui nous tient toujours debout dans le mouvement uniforme et furieux de l'histoire.

KINH NGHIỆM HEMINGWAY

NGUYỄN SA

HEMINGWAY, nhà văn Mỹ, đoạt giải thưởng Nobel cách đây 2 năm, đã nổi tiếng trên thế giới từ lâu với trên dưới một chục cuốn sách mà những người yêu văn-nghệ quốc tế không thể bỏ qua được. Và người ta còn biết tường tận hơn nữa về đời sống của người đàn ông cứng rắn, đầy đặn mà đa số độc giả của chúng ta còn xa lạ.

Cũng như đa số văn-gia Mỹ, HEMINGWAY đã sống một cuộc đời vô cùng sáo động trước và trong khi viết. Ta có thể tóm tắt lại trong một vài giòng : 15 tuổi bỏ nhà đi giang-hồ như một nhân vật trong tiểu-thuyết của Nguyễn-Tuân. Rồi lang thang, cầu sương điểm cỏ, thất nghiệp, đánh quyền anh, viết báo và đi lính trên trận tuyến Ý-Đại-Lợi 1918. Gã đàn ông ấy ra đời trước đó 20 năm ở Oak Park xứ Illinois con một người thầy thuốc khá giả. HEMINGWAY đã sống và đã nếm trải những gì là thất vọng của đời người : lận đận trên đường khoa cử, tác phẩm gửi đi rồi lại nhận trả về trong những ngày còn lang thang trên hè phố Ba-lê. Người ta đã sống qua những năm dòng băng bánh mì, nước lã vì không ai chịu in những sáng tác mà về sau đã thành tác phẩm có địa vị đặc biệt trên văn đàn thế giới. Có người đã bảo : những nhà xuất bản thường sợ thiên tài như người lùn sợ trái núi. Đó là một sự thật nếu ta xét qua kinh nghiệm HEMINGWAY.

Tác phẩm của HEMINGWAY ta có thể lược kể : *To have or have not, Farewells to Arms, For whom the Bell tools...*

Đó là những tác phẩm mà HEMINGWAY đã cấu tạo với một ngòi bút rất cổ điển ; hành văn bỏ cái phụ tạp hương về toàn thể, dẫn dị nhưng chứa đựng một nghệ-thuật đã được hun đúc lâu dài.

Và cuốn tiểu-thuyết mà chúng ta muốn đề cập đến vì được hân hạnh đọc bản tiếng Việt « Lão ngư ông và biển cả ».



Sau cuộc bút chiến giữa những nhà phê bình thế giới gây nên bởi cuốn sách « Across the River and Under the Trees » HEMINGWAY đã dàn hòa toàn thể sau khi xuất bản “The old man and the sea” bởi vì toàn thể đã đồng ý với nhau ở chỗ công nhận cuốn sách cuối cùng của HEMINGWAY là một trong những tác phẩm quan trọng của văn-nghệ thế-giới hiện đại.

Cuốn sách nhỏ trên 100 trang kể chuyện một ông già đánh cá ra khơi là một cuốn sách vĩ đại.

Vĩ đại như người đàn ông đứng tuổi, vai chính của cuốn truyện sau khi đi 84 ngày đêm trên biển không câu được một con cá nhỏ, ngày thứ 85 đã câu được một con cá to lớn vô cùng.

Suốt ba ngày trời lão chiến đấu với tay địch thủ kỳ phùng lão vừa yêu vừa kính để đi đến chỗ thắng lợi cuối cùng. Nhưng trên đường về bầy cá mập đã ăn hết con cá của lão ngư ông, con cá đó mà lão không chứa nổi trong lòng thuyền. Và khi cập bến mệt lả vì chiến đấu, lão chỉ còn lại cái đầu cá đuôi cá, bộ xương buộc mạn thuyền và một chút kỷ-niệm cuộc vật lộn với con cá ngoài khơi, người anh em yêu dấu của lão.

Thật là một câu chuyện dẫn đi được diễn tả bằng một lối văn dẫn đi không vương víu nửa giọng sáo ngữ, những trang không một giọng nào thừa thiếu. Cái giọng văn vừa quen thuộc vừa cao cả chứng tỏ sự nắm vững nghệ-thuật của người viết, của HEMINGWAY mà cả những cuốn sách trước của tác giả cũng chưa đạt tới.

Qua những lời dung dị, cuộc sống bão táp suốt ba ngày ba đêm của lão ngư ông đã được biểu lộ. Tác giả đã giắt ta đi vào trong cái sâu sắc của sự chiến thắng trong thất bại. (Mà chúng ta từng thấy trong For whom the Bells tolls). Chỉ đem được cái xương cá về bến nhưng lão ngư ông đã thắng. Không phải chỉ thắng cái lòng dè bủ, những đôi mắt khinh nhờn của đồng nghiệp — Lão đã thắng chính lão, thắng lòng ngờ vực của mình đối với mình trước sức vĩ đại của

cuộc sống. Tất cả những người đã đi vào con đường sáng tạo đều thông cảm, sống trong cái tình nghi ngờ tài năng của mình đó. Vẫn tin mà vẫn lo âu đến nỗi tin tưởng bị biến thành một dấu hiệu của nghi ngờ, che dấu. Người có thiên tài không thể mãn nguyện về những cuốn sách đã in cũng như lão ngư ông không thể tự an ủi bằng những con cá đã câu được. Người đã in sách đó vẫn cảm thấy tủi nhục vô chừng trong những ngày đêm ngồi trước bàn viết, trước những « phút linh cầu mãi không về. » Bởi vì con người không thể cảm trại trong dĩ vãng. Cái tình cảm thất bại đau đớn của người 84 ngày đợi một giòng thơ không gặp để ngày thứ 85 một sáng tác sống động thành hình. Cái thất bại mà một K. JASPERS sẽ bảo là dính liền vào bản thể con người bởi vì sống đã là một thất bại dính liền vào cái chết sẽ đến. Nhưng ý thức được cái thất bại đó, cái hoàn cảnh giới hạn « trăm năm trong cõi người ta » đó phải chăng đòi là một thắng lợi của con người. HEMINGWAY đã thắng lợi, đã thể hiện được sáng tác đó, đã rung cảm được trong thất bại đó nên tác phẩm của người mang sức sống của một bài thơ trường ca giàu mạnh như lòng người đàn ông đánh cá già nua.

Chiến đấu với cuộc sống để thể hiện cuộc sống của chính mình là một cuộc chiến đấu bền bỉ, lâu dài mà những chiến thắng phải mỗi ngày đổi mới. Không phải học thuộc lòng những cuốn sách đạo đức để thành một con người đạo đức. Làm một việc thiện cũng chưa đủ chứng thực một kiếp sống hiền lương. Mỗi ngày lại phải thử thách lương tâm. Mỗi ngày lại phải thử thách ngòi bút. Người đánh cá già nua đã sống trong 84 ngày thử thách ray rứt đó. Con cá không về đến bến toàn vẹn nhưng lão ngư ông đã chắc chắn ở sự sinh tồn của mình ngày thứ 85. Trong thất bại lão đã thành công.

Và trong cuộc chiến đấu thường xuyên, vô cùng đổi mới, người đã tìm thấy trên một chiếc thuyền con giữa đại dương, sự tương trợ của con người không phải chỉ với con người thôi, mà cả với toàn thể vũ trụ.

Gặp một chim nhỏ trên biển khơi, Santiago, lão ngư ông đã bắt gặp « con người không bao giờ cô độc một cách tuyệt đối, dù trên đại dương. »

HEMINGWAY đã thành công. Nhà văn sĩ già đó đã gặp, đã tan vào « lão ngư ông » trên biển cả.

NGUYỄN SA

Đã trình bày trong Sáng Tạo

MAI THẢO : Sài Gòn thủ đô văn hóa Việt Nam - *NGUYỄN SA* : Kiến thức rộng và chuyên môn - *LÊ VĂN SIÊU* : Quán cháo lú - *MẶC ĐỒ* : Công việc dịch văn - *LÊ THƯƠNG* : Nguyên lý âm nhạc trong căn bản, ngôn ngữ - *VŨ KHẮC KHOAN* : Sân khấu và vấn đề xây dựng con người - *THÁI TUẤN* : Một vài nhận xét về nghệ thuật hội họa - *NGUYỄN SỸ TẾ* : Quan niệm nhận thức Nguyễn Du.

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO

GIỚI THIỆU :

Để mở đầu cho một chương trình xuất bản rộng lớn, chúng tôi giới thiệu với toàn thể bạn đọc Sáng Tạo những tác phẩm văn nghệ sẽ được lần lượt phát hành kể từ tháng 11-1956 :

CHỊ HẠNH

Truyện dài của **NGUYỄN SỸ TẾ**

THƠ NGUYỄN SA

Tập một

TÔI HÁT HÔM NAY

Thơ **QUÁCH THOẠI**

THÁNG GIÊNG CỎ NON

Tập truyện ngắn của **MAI THẢO**

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

Trong những số tới :

BIÊN KHẢO

Khái niệm về giai điệu	LÊ THƯƠNG
Thử định nghĩa văn hóa (II)	LÊ VĂN SIÊU
Vấn đề thống nhất ngôn ngữ	L.M. TRẦN VĂN HIẾN MINH
Lối thơ Thanh tâm Tuyên	MAI THẢO
Hội họa bây giờ	DUY THANH
Thần trí và hồn tinh dân tộc Việt	NGUYỄN SỸ TẾ
Hồ xuân Hương, người lạ mặt	NGUYỄN SA
Những xu hướng điện ảnh Quốc Tế	PHẠM DUY
Hội họa trừu tượng	TẠ TỶ
Ý thức siêu nhân trong thơ văn Nguyễn công Trứ	NGUYỄN SỸ TẾ
Học thuyết Platon	DOÃN QUỐC SỸ
Cà dao miền Nam	THÁI BẠCH

SÁNG TÁC

Đôi mắt có đuôi	MẶC ĐỖ
Các anh các chị	MAI THẢO
Thơ tự do	QUÁCH THOẠI — NGUYỄN SA
Nhật ký	THANH TÂM TUYỀN
Khi người ta ái	ÁI HẠ LIÊN
Quán nửa khuya	TRẦN LÊ NGUYỄN

Mọi người yêu hội họa đều đến thưởng ngoạn :

Những họa phẩm sơn dầu mới nhất của DUY THANH

Trưng bày thường trực tại :

TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO



Mọi người yêu thơ đều tìm đọc :

Tôi không còn cô độc

Thơ THANH TÂM TUYỀN

MỘT CÔNG TRÌNH ÁN LOÁT MỸ THUẬT CỦA :

NGỌC DŨNG, DUY THANH, J. HALPERN và MẶC ĐỖ.

Có 100 bản quý đánh số từ I đến C mỗi bản với một bản minh họa duy nhất của Duy Thanh và chữ ký tác giả.

Hỏi nhà xuất bản **NGƯỜI VIỆT** 217, Phạm Ngũ Lão — SAIGON

Nhà in NGUYỄN-TRUNG-THÀNH số 55, đường PHÁT-DIỆM (Ng. Tân-Nghịem cũ) — SAIGON